

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG

---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ
BIẾN THỰC PHẨM TIẾN BẢO**

SINH VIÊN THỰC HIỆN : NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG

MÃ SINH VIÊN : A16425

CHUYÊN NGÀNH : KẾ TOÁN

HÀ NỘI – 2014

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THĂNG LONG
---o0o---

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

ĐỀ TÀI:

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN
NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ
BIẾN THỰC PHẨM TIẾN BẢO

Giáo viên hướng dẫn: Th.s Vũ Thị Kim Lan

Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Hồng Nhung

Mã sinh viên : A16425

Chuyên ngành : Kế toán

HÀ NỘI – 2014

LỜI CẢM ƠN

Em xin chân thành cảm ơn các thầy cô trong bộ môn Kế toán của Trường Đại học Thăng Long đã có những bài giảng hay và bổ ích, giúp em vận dụng những kiến thức đã học vào bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Đặc biệt, em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc tới cô giáo – Th.S Vũ Thị Kim Lan đã hướng dẫn và giúp đỡ em hoàn thành bài khóa luận này. Trong quá trình nghiên cứu và viết khóa luận, với sự chỉ bảo tận tình của cô, em đã giải đáp được nhiều thắc mắc và khó khăn còn mắc phải về kiến thức trên sách vở cũng như thực tế về công tác nguyên vật liệu tại các doanh nghiệp hiện nay.

Ngoài ra, để thực hiện đề tài khóa luận này, em còn nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình từ các cô, chú ở đơn vị thực tập. Em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cả toàn bộ cán bộ nhân viên của công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo đã tạo điều kiện cho em được thực tập và đã chỉ bảo giúp đỡ em trong thời gian thực tập tại công ty để hoàn thành bài khóa luận này.

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2014
Sinh viên

Nguyễn Thị Hồng Nhung

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Khóa luận tốt nghiệp này là do tự bản thân thực hiện có sự hỗ trợ từ giáo viên hướng dẫn và không sao chép các công trình nghiên cứu của người khác. Các dữ liệu thông tin thứ cấp sử dụng trong Khóa luận là có nguồn gốc và được trích dẫn rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về lời cam đoan này!

Sinh viên

Nguyễn Thị Hồng Nhung

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	1
1.1 Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	1
<i>1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất</i>	<i>1</i>
<i>1.1.2 Vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất</i>	<i>1</i>
1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất	2
<i>1.2.1 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất</i>	<i>2</i>
<i>1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất.....</i>	<i>3</i>
1.3 Phân loại nguyên vật liệu	4
1.4 Tính giá nguyên vật liệu	6
<i>1.4.1 Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho</i>	<i>6</i>
<i>1.4.2 Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho</i>	<i>7</i>
1.5 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu	10
<i>1.5.1 Chứng từ kế toán</i>	<i>10</i>
<i>1.5.2 Thủ tục nhập - xuất kho nguyên vật liệu.....</i>	<i>10</i>
<i>1.5.2.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu</i>	<i>11</i>
<i>1.5.2.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu</i>	<i>11</i>
<i>1.5.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.</i>	<i>12</i>
1.6 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu	15
<i>1.6.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên...15</i>	
<i>1.6.1.1 Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên</i>	<i>15</i>
<i>1.6.1.2 Tài khoản sử dụng</i>	<i>15</i>
<i>1.6.1.3 Phương pháp kế toán.....</i>	<i>16</i>
<i>1.6.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....18</i>	
<i>1.6.2.1 Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ.....</i>	<i>18</i>
<i>1.6.2.2 Tài khoản sử dụng</i>	<i>18</i>
1.7 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20
<i>1.7.1 Đặc điểm.....</i>	<i>20</i>
<i>1.7.2 Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>20</i>
<i>1.7.3 Phương pháp kế toán</i>	<i>21</i>
1.8 Các hình thức tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu	21
<i>1.8.1 Hình thức nhật ký - sổ cái.....</i>	<i>22</i>

<i>1.8.2 Hình thức nhật ký chung</i>	23
<i>1.8.3 Hình thức chứng từ ghi sổ</i>	24
<i>1.8.4 Hình thức nhật ký - chứng từ</i>	25
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TIẾN BẢO	26
2.1 Tổng quan về công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo	26
<i>2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty</i>	26
<i>2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty</i>	26
<i>2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty</i>	26
<i>2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo</i>	29
<i>2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty</i>	31
2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo	33
<i>2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại công ty</i>	33
<i>2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty</i>	33
<i>2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu tại công ty</i>	33
<i>2.2.2 Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại công ty</i>	34
<i>2.2.3 Tính giá nguyên vật liệu tại công ty</i>	35
<i>2.2.3.1 Tính giá nguyên vật liệu nhập kho</i>	35
<i>2.2.3.2 Tính giá nguyên vật liệu xuất kho</i>	36
<i>2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu</i>	38
<i>2.2.4.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu</i>	39
<i>2.2.4.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu</i>	44
<i>2.2.4.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu</i>	47
<i>2.2.5 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu</i>	50
<i>2.2.5.1 Tài khoản sử dụng</i>	50
<i>2.2.5.2 Kế toán nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu</i>	50
<i>2.2.6 Công tác kiểm kê đánh giá nguyên vật liệu</i>	55
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TIẾN BẢO	61
3.1 Đánh giá về công tác nguyên vật liệu tại công ty	61
<i>3.1.1 Ưu điểm</i>	62
<i>3.1.2 Tồn tại</i>	63
3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty	64

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu	11
Sơ đồ 1.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu	11
Sơ đồ 1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song	14
Sơ đồ 1.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên	17
Sơ đồ 1.5 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ	19
Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - sổ cái	22
Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	23
Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ	24
Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - chứng từ	25
Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH chế biến thực phẩm	27
Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo	30
Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo	32
Sơ đồ 2.4 Quy trình nhập kho nguyên vật liệu	39

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1 Sổ danh điểm nguyên vật liệu	5
Bảng 1.2 Thẻ kho	13
Bảng 1.3 Sổ chi tiết vật liệu	134
Bảng 2.1 Các nghiệp vụ nhập xuất gạo tấm zemin trong tháng 9	37
Bảng 2.2 Hóa đơn giá trị gia tăng mua nguyên vật liệu	40
Bảng 2.3 Biên bản kiểm nghiệm	41
Bảng 2.4 Phiếu nhập kho	42
Bảng 2.5 Phiếu chi	43
Bảng 2.6 Giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu	44
Bảng 2.7 Phiếu xuất kho	46
Bảng 2.8 Thẻ kho	48
Bảng 2.9 Sổ chi tiết nguyên vật liệu	49
Bảng 2.10 Sổ chi tiết thanh toán với người bán	54
Bảng 2.11 Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa, sản phẩm	56
Bảng 2.12 Sổ nhật ký chung	57
Bảng 2.13 Sổ cái tài khoản	59
Bảng 3.1 Sổ danh điểm nguyên vật liệu	66
Bảng 3.2 Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho	68
Bảng 3.3 Bảng tổng hợp nhập xuất tồn	69

LỜI MỞ ĐẦU

Hiện nay, sau khi ra nhập WTO Việt Nam đã không ngừng đổi mới để hoà nhập với nền kinh tế thị trường thế giới, có nhiều doanh nghiệp đã ra đời và không ngừng lớn mạnh. Nhưng để có tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh gay gắt của thị trường các doanh nghiệp cần phải xác định các yếu tố đầu vào sao cho hợp lý, phải quan tâm đến tất cả các khâu trong quá trình sản xuất từ khi bỏ vốn ra đến khi thu hồi vốn về. Đảm bảo thu nhập của đơn vị, hoàn thành nghĩa vụ với Nhà nước, cải tiến đời sống cho cán bộ công nhân viên và thực hiện tái sản xuất mở rộng. Các doanh nghiệp cần phải hoàn thiện công tác kế toán cũng như bộ máy tổ chức của mình sao cho kết quả đầu ra là cao nhất, với giá cả và chất lượng sản phẩm có sức hút đối với người tiêu dùng.

Đối với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, yếu tố cơ bản để đảm bảo cho quá trình sản xuất được tiến hành bình thường liên tục, đó là nguyên vật liệu, nguyên vật liệu là đối tượng lao động chủ yếu, là yếu tố đầu vào cấu thành nên thực thể sản phẩm. Chi phí về nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp sản xuất. Đối với các doanh nghiệp sản xuất, khoản mục chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong toàn bộ chi phí sản xuất của doanh nghiệp. Mọi sự biến động về chi phí nguyên vật liệu đều làm ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm từ đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, hạ thấp và tiết kiệm chi phí nguyên vật liệu là giảm một phần đáng kể chi phí sản xuất. Tiết kiệm chi phí sản xuất nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm đó là cơ sở quan trọng để doanh nghiệp có thể giảm giá bán, tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, tăng lợi nhuận thu được. Để đạt được mục đích này thì các doanh nghiệp phải có một chế độ quản lý và sử dụng nguyên vật liệu hợp lý khoa học, có công tác hạch toán vật liệu phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp là rất cần thiết.

Em đã chọn đề tài **“Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo”** làm đề tài cho bài khóa luận tốt nghiệp của mình. Bài khóa luận được chia thành 3 phần chính:

Chương 1 Cơ sở lý luận chung về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Chương 3 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Mục đích nghiên cứu: trên cơ sở nghiên cứu lý luận về công tác kế toán nguyên vật liệu trong các doanh nghiệp sản xuất và thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo để đưa ra các đánh giá khái quát về thực trạng của công ty. Từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Đối tượng nghiên cứu: kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo.

Phạm vi nghiên cứu: kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo dưới góc độ kế toán tài chính trong tháng 9 năm 2013.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1 Khái niệm, đặc điểm và vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.1.1 Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Khi tiến hành sản xuất, tất cả các doanh nghiệp đều cần đến nguyên vật liệu. Nguyên vật liệu là đối tượng lao động, một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất (tư liệu lao động, đối tượng lao động, sức lao động), là cơ sở cấu thành thực thể sản phẩm.

Khác với tư liệu lao động, nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh nhất định và toàn bộ giá trị của nó được chuyển dịch một lần vào giá trị sản phẩm trong kỳ.

Trong các doanh nghiệp khác nhau, nguyên vật liệu được thể hiện dưới dạng vật hoá khác nhau như: mía trong doanh nghiệp sản xuất đường, mùn cao su trong doanh nghiệp sản xuất đệm, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí chế tạo, sữa, bột mỳ, đường trong doanh nghiệp sản xuất bánh kẹo...

Khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh, nguyên vật liệu mang những đặc điểm rất riêng so với những yếu tố đầu vào khác như:

- Nguyên vật liệu chỉ tham gia vào một chu kỳ sản xuất kinh doanh và tiêu hao toàn bộ hay chuyển dịch một lần toàn bộ giá trị vào sản phẩm.
- Nguyên vật liệu là một loại hàng tồn kho được doanh nghiệp dự trữ với mục đích phục vụ cho quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Mỗi một loại nguyên vật liệu nhất định lại gắn liền với một thời hạn bảo quản nhất định. Do vậy doanh nghiệp phải dựa vào đặc điểm này của nguyên vật liệu để có kế hoạch trong việc thu mua, dự trữ và bảo quản nguyên vật liệu cũng như việc xuất nguyên vật liệu vào sản xuất.
- Nguyên vật liệu là một bộ phận quan trọng trong tài sản lưu động của doanh nghiệp.

1.1.2 Vai trò của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Đối với từng doanh nghiệp tùy thuộc vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh mà nguyên vật liệu có những vai trò cụ thể. Song nhìn chung, với vị trí là một trong ba yếu tố đầu vào không thể thiếu của quá trình sản xuất, cho nên nguyên vật liệu đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra và tham gia cấu thành nên thực thể sản phẩm. Việc sử dụng các loại nguyên vật liệu khác nhau vào quá trình sản xuất ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sản phẩm sản xuất ra và do đó ảnh hưởng đến chi phí, doanh thu và lợi nhuận. Tóm lại, đối với một doanh nghiệp sản xuất, nguyên vật liệu có vai trò rất quan trọng. Vai trò đó thể hiện ở hai điểm chính sau:

- Nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, là một trong các yếu tố sẽ tham gia vào quá trình hình thành nên chi phí sản xuất kinh doanh, chi phí nguyên vật liệu là một bộ phận của giá thành sản phẩm. Từ đó doanh nghiệp có thể xác định kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp đặc biệt đối với các doanh nghiệp sản xuất.
- Nguyên vật liệu là một loại hàng tồn kho được dự trữ để đáp ứng cho nhu cầu của quá trình sản xuất kinh doanh trong kỳ của doanh nghiệp. Như vậy, nguyên vật liệu là một thành phần thuộc về vốn lưu động của doanh nghiệp. Vốn lưu động phải được luân chuyển liên tục không ngừng: từ vốn bằng tiền chuyển sang vốn bằng nguyên vật liệu, rồi sang giai đoạn chế biến sản phẩm, thành sản phẩm để tiêu thụ và quay trở về hình thái tiền tệ. Giá trị nguyên vật liệu trong kho cuối niên độ không chỉ là giá trị được thể hiện trên báo cáo tài chính cuối kỳ, mà còn là chỉ tiêu để đánh giá khả năng hoạt động của doanh nghiệp thông qua chỉ tiêu vòng quay vốn lưu động. Nếu quá trình thu mua, dự trữ và xuất dùng nguyên vật liệu được phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả sẽ làm tăng nhanh được vòng quay của vốn trên phương châm vốn ít mà tạo ra hiệu quả kinh tế cao.

1.2 Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

1.2.1 Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Từ vai trò quan trọng và những đặc điểm chủ yếu của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh mà yêu cầu quản lý nguyên vật liệu là một đòi hỏi khách quan của các doanh nghiệp trong quá trình thu mua, sử dụng và dự trữ nguyên vật liệu.

Yêu cầu quản lý nguyên vật liệu ở đây không chỉ đơn thuần là quản lý về mặt số lượng mà đòi hỏi phải quản lý cả về mặt chất lượng, giá cả nguyên vật liệu. Để cho quá trình quản lý nguyên vật liệu được hiệu quả thì việc tổ chức công tác quản lý cần được bố trí hợp lý và có sự phối hợp đồng bộ từ khâu thu mua đến khâu dự trữ và khâu sử dụng.

- Khâu thu mua: Cần lập kế hoạch thu mua nguyên vật liệu để đảm bảo doanh nghiệp luôn có nguồn cung cấp nguyên vật liệu với số lượng, chất lượng ổn định và giá cả hợp lý ở mọi thời điểm. Ngoài ra, doanh nghiệp cần xây dựng hệ thống các điểm thu mua và phương tiện vận chuyển để đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu thu mua không bị ảnh hưởng bởi quá trình vận chuyển và chi phí thu mua là thấp nhất.
- Khâu bảo quản: Đảm bảo nguyên vật liệu mua về phải được bảo quản trong hệ thống kho bãi đạt tiêu chuẩn kỹ thuật cho từng thứ, loại nguyên vật liệu để nguyên vật liệu khi cất trữ trong kho sẽ không bị thất thoát cũng như không bị kém phẩm chất.
- Khâu sử dụng: Yêu cầu sử dụng nguyên vật liệu phải hợp lý, tiết kiệm và theo đúng các định mức kinh tế kỹ thuật đặt ra cho từng sản phẩm. Đây là một trong những khâu

có tính quyết định đến việc tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm để tăng tính cạnh tranh trên thị trường của các doanh nghiệp. Như vậy, việc tổ chức quản lý nguyên vật liệu chỉ được thực hiện tốt khi doanh nghiệp đảm bảo được các yêu cầu sau:

- + Có đủ trang thiết bị vật chất đảm bảo cho việc bảo quản, cất trữ nguyên vật liệu từ khâu thu mua cho đến khâu đưa vào sử dụng.
- + Có đủ đội ngũ cán bộ công nhân viên có năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm trong việc tổ chức thu mua, vận chuyển, bảo quản và đưa nguyên vật liệu vào sử dụng.
- + Có sự phối hợp đồng bộ giữa các bộ phận trong công ty trong quá trình thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu. Các bộ phận này bao gồm: Bộ phận cung ứng, bộ phận kho, bộ phận hạch toán, bộ phận kỹ thuật, bộ phận sử dụng và các bộ phận khác trong doanh nghiệp. Giữa các bộ phận này luôn phải đảm bảo có sự phối hợp nhịp nhàng và cung cấp thông tin nhanh chóng giữa các bộ phận để quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, chính xác và hiệu quả.

1.2.2 Nhiệm vụ của kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp sản xuất

Với chức năng cung cấp thông tin và kiểm tra kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp, kế toán thực sự là công cụ quan trọng để đáp ứng các yêu cầu quản lý của ban lãnh đạo doanh nghiệp. Hạch toán kế toán nguyên vật liệu là một bộ phận của hạch toán kế toán tại mỗi một doanh nghiệp (đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất). Hạch toán nguyên vật liệu là một công cụ hữu hiệu phục vụ cho công tác quản lý nguyên vật liệu ở doanh nghiệp. Hạch toán nguyên vật liệu đầy đủ, kịp thời, chính xác giúp lãnh đạo doanh nghiệp nắm bắt kịp thời tình hình thu mua, xuất dùng và dự trữ nguyên vật liệu để từ đó có kế hoạch cung ứng và đưa ra các quyết định, giải pháp phù hợp, kịp thời...đảm bảo cho quá trình sản xuất được diễn ra liên tục, hiệu quả. Để đáp ứng yêu cầu quản lý, kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp cần thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là: Ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác, trung thực kịp thời số lượng, chất lượng và giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

Hai là: Thực hiện phân loại, đánh giá vật tư phù hợp với các nguyên tắc chuẩn mực kế toán đã quy định và phù hợp với các yêu cầu quản trị khác của doanh nghiệp.

Ba là: Tập hợp và phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời số lượng và giá trị nguyên vật liệu xuất kho, kiểm tra tình hình chấp hành các định mức tiêu hao nguyên vật liệu.

Bốn là: Tính toán và phản ánh chính xác số lượng và giá trị nguyên vật liệu tồn kho, phát hiện kịp thời nguyên vật liệu thiếu, thừa, ứ đọng, kém phẩm chất để doanh nghiệp có biện pháp xử lý kịp thời, hạn chế đến mức tối đa thiệt hại có thể xảy ra.

Năm là: Tổ chức chứng từ, tài khoản kế toán, sổ sách kế toán phù hợp với tình hình biến động tăng, giảm của vật tư trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh

nhằm cung cấp thông tin để tập hợp chi phí sản xuất kinh doanh cũng như phải phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán đã quy định.

1.3 Phân loại nguyên vật liệu

Mỗi một doanh nghiệp do tính chất đặc thù trong sản xuất kinh doanh nên sử dụng những loại nguyên vật liệu khác nhau. Mỗi loại nguyên vật liệu có công dụng, tính chất khác nhau. Để quản lý một cách có hiệu quả và hạch toán chi tiết nguyên vật liệu phục vụ cho nhu cầu quản trị doanh nghiệp đòi hỏi doanh nghiệp phải tiến hành phân loại nguyên vật liệu theo những tiêu thức phù hợp. Có nhiều cách thức phân loại nguyên vật liệu khác nhau. Trong thực tế của công tác quản lý và hạch toán ở các doanh nghiệp, đặc trưng dùng để phân loại nguyên vật liệu thông dụng nhất là vai trò và tác dụng của nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất – kinh doanh. Theo đặc trưng này, nguyên vật liệu ở các doanh nghiệp được phân ra thành các loại sau đây:

- Nguyên vật liệu chính: (Bao gồm cả bán thành phẩm mua ngoài) là nguyên liệu, vật liệu mà sau quá trình gia công chế biến sẽ cấu thành hình thái vật chất của sản phẩm. Danh từ Nguyên liệu ở đây dùng để chỉ đối tượng lao động chưa qua chế biến công nghiệp. Ví dụ: Sắt, thép trong các doanh nghiệp chế tạo cơ khí, doanh nghiệp xây dựng cơ bản; bông trong các doanh nghiệp dệt, vải trong các doanh nghiệp may...
- Vật liệu phụ: những vật liệu có tác dụng phụ trong quá trình sản xuất – kinh doanh, được sử dụng kết hợp với nguyên vật liệu chính để hoàn thiện và nâng cao tính năng, chất lượng của sản phẩm hoặc được sử dụng để bảo đảm cho công cụ lao động hoạt động bình thường, hoặc dùng để phục vụ cho nhu cầu kỹ thuật, nhu cầu quản lý...như: thuốc nhuộm, sơn, dầu nhờn, cúc áo, chỉ may...
- Nhiên liệu là những thứ dùng để tạo nhiệt năng như than đá, than bùn, củi, xăng, dầu...Nhiên liệu trong các doanh nghiệp thực chất là một loại nguyên vật liệu phụ, tuy nhiên nó được tách ra thành loại riêng vì việc sản xuất và tiêu dùng nhiên liệu chiếm một tỷ trọng lớn và đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân. Nhiên liệu cũng có yêu cầu và kỹ thuật quản lý hoàn toàn khác với các loại vật liệu phụ thông thường.
- Phụ tùng thay thế: là loại vật tư được sử dụng cho hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.
- Phế liệu: là các loại vật liệu loại ra trong quá trình sản xuất sản phẩm như sắt thép đầu mẩu, vỏ bao xi măng, và những phế liệu thu hồi trong quá trình thanh lý tài sản cố định.

Ngoài cách phân loại trên, các doanh nghiệp cũng có thể lựa chọn một trong hai cách sau để phân loại nguyên vật liệu cho phù hợp với đặc điểm riêng của doanh nghiệp mình.

Căn cứ vào mục đích, công dụng của nguyên vật liệu:

- Nguyên vật liệu trực tiếp: là những nguyên vật liệu được dùng trực tiếp cho sản xuất chế tạo sản phẩm.
- Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác, như: phục vụ công tác quản lý ở các phân xưởng, tổ, đội sản xuất, cho công tác bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

Căn cứ vào nguồn hình thành nguyên vật liệu chia thành:

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do mua ngoài, nhận vốn góp liên doanh, nhận biếu tặng...
- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp sản xuất.

Các cách phân loại trên làm căn cứ cho việc lập kế hoạch thu mua và kế hoạch sản xuất nguyên vật liệu, là cơ sở để xác định trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu nhập kho.

Tuy nhiên việc phân loại vật liệu như trên vẫn mang tính tổng quát mà chưa đi vào từng loại, từng thứ vật liệu cụ thể để phục vụ cho việc quản lý chặt chẽ và thống nhất trong toàn doanh nghiệp. Để phục vụ tốt cho yêu cầu quản lý chặt chẽ và thống nhất các loại nguyên vật liệu ở các bộ phận khác nhau, đặc biệt là phục vụ cho yêu cầu xử lý thông tin trên máy tính thì các doanh nghiệp phải tiếp tục chi tiết và hình thành nên sổ danh điểm vật liệu. Sổ này xác định thống nhất tên gọi, ký mã hiệu, quy cách, đơn vị tính, giá hạch toán của từng danh điểm.

Bảng 1.1 Sổ danh điểm nguyên vật liệu

Sổ danh điểm nguyên vật liệu

Loại: Nguyên vật liệu chính

Ký hiệu :1521

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách NVL	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL				
1521.01	1521.01.01				
	1521.01.02				
				
1521.02	1521.02.01				
	1521.02.02				
				

1.4 Tính giá nguyên vật liệu

Tính giá nguyên vật liệu là dùng thước đo tiền tệ để biểu hiện giá trị của nguyên vật liệu theo những nguyên tắc nhất định đảm bảo yêu cầu trung thực, thống nhất. Theo quy định hiện hành tính giá nguyên vật liệu khi nhập kho phản ánh theo giá vốn thực tế và khi xuất kho cũng phải tính toán xác định giá thực tế xuất kho theo đúng phương pháp quy định. Giá thực tế của nguyên vật liệu được hình thành trên các chứng từ hợp lệ chứng minh khoản chi của doanh nghiệp để tạo ra nguyên vật liệu.

1.4.1 Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Trong các doanh nghiệp sản xuất nguyên vật liệu được nhập từ nhiều nguồn khác nhau mà giá thực tế của chúng trong từng loại được xác định như sau:

Đối với nguyên vật liệu mua ngoài:

$$\begin{array}{ccccccccc} \text{Trị giá thực} & & \text{Trị giá mua} & & \text{Thuế nhập} & & \text{Chi phí} & & \text{Các khoản giảm giá,} \\ \text{tế NVL} & = & \text{ghi trên hoá} & + & \text{khẩu (nếu} & + & \text{phát sinh} & - & \text{chiết khấu thương} \\ \text{nhập kho} & & \text{đơn} & & \text{có)} & & \text{khi mua} & & \text{mại (nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

Chi phí phát sinh khi mua: bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm, chi phí thuê kho, thuê bãi.

Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì không được tính thuế GTGT vào giá thực tế của nguyên vật liệu.

Nếu doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp hoặc vật tư hàng hoá mua về dùng cho việc sản xuất kinh doanh các mặt hàng không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT thì thuế GTGT được tính vào giá thực tế của nguyên vật liệu.

Đối với nguyên vật liệu tự gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Trị giá thực tế của NVL} & & \text{Trị giá thực tế của vật} & & \text{Chi phí gia công} \\ \text{gia công nhập kho} & = & \text{liệu xuất đi gia công} & + & \text{chế biến} \end{array}$$

Đối với vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế của} & & \text{Chi phí thuê} & & \text{Chi phí vận} \\ \text{NVL thuê gia} & = & \text{vật liệu xuất đi} & + & \text{ngoài gia} & + & \text{chuyển, bốc dỡ,} \\ \text{công nhập kho} & & \text{thuê gia công} & & \text{công} & & \text{hao hụt.....} \end{array}$$

Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh thì trị giá thực tế của nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh là do hội đồng liên doanh đánh giá.

Đối với phế liệu thu hồi (nếu có) thì trị giá thực tế sẽ được đánh giá thực tế có thể bán hoặc sử dụng được theo thị trường.

Đối với nguyên vật liệu vay, mượn thì giá thực tế của nguyên vật liệu được tính theo giá trị thị trường của nguyên vật liệu tại thời điểm đó.

1.4.2 Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho

Việc tính giá xuất NVL trong kì là cơ sở để xác định chi phí NVL trực tiếp, một bộ phận của chi phí sản xuất của doanh nghiệp trong kì đó. Do đó nó cũng là cơ sở để kế toán tính giá thành sản phẩm và ghi giá vốn hàng bán. Với mọi doanh nghiệp việc tính giá NVL đều phải đảm bảo sự cân bằng sau:

$$\text{NVL tồn đầu kì} + \text{nhập trong kì} = \text{NVL tồn cuối kì} + \text{NVL xuất trong kì}$$

Nguyên vật liệu được thu mua và nhập kho thường là từ nhiều nguồn khác nhau, do vậy giá vốn thực tế của từng lần, từng đợt nhập kho là khác nhau. Vì vậy, khi xuất kho vật tư tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động, yêu cầu, trình độ quản lý và điều kiện trang bị phương tiện kỹ thuật tính toán ở từng doanh nghiệp là lựa chọn một trong các phương pháp sau để xác định trị giá vốn thực tế của vật tư xuất kho:

- Phương pháp giá thực tế đích danh
- Phương pháp bình quân gia quyền
- Phương pháp FIFO
- Phương pháp LIFO

Phương pháp giá thực tế đích danh:

Theo phương pháp này nguyên vật liệu được xác định theo từng loại hay từng lô hàng và được giữ nguyên từ lúc mua vào cho tới lúc xuất kho. Vật tư thuộc lô nào, theo giá nào thì khi xuất sẽ tính theo giá đó. Phương pháp này chỉ áp dụng với doanh nghiệp có chủng loại nguyên vật liệu có số lần xuất ít, giá trị lớn và nhận diện được từng lô hàng.

Ưu điểm: Trị giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp này là chính xác và kịp thời nhất. Ngoài ra, giúp doanh nghiệp theo dõi được thời hạn sử dụng của từng lô nguyên vật liệu

Nhược điểm: Phức tạp trong công tác quản lý bởi vì phương pháp này đòi hỏi phải theo dõi nguyên vật liệu theo từng lô cả về mặt hiện vật và giá trị lớn vì vậy hệ thống kho của doanh nghiệp phải được tổ chức có trật tự.

Phương pháp bình quân gia quyền:

Theo phương pháp này, giá trị của nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng xuất kho và đơn giá bình quân gia quyền theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá trị thực tế} & & \text{Số lượng NVL} & & \text{Đơn giá} \\ \text{NVL xuất kho} & = & \text{xuất kho} & \times & \text{bình quân} \end{array}$$

Giá đơn vị bình quân được xác định bằng nhiều cách

Phương pháp giá bình quân cả kỳ dự trữ

Phương pháp này thích hợp với những doanh nghiệp có ít doanh điểm nhưng số lần nhập, xuất mặt hàng lại nhiều, căn cứ vào giá thực tế, tồn đầu kỳ để kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị sản phẩm, hàng hoá.

$$\begin{array}{ccccc} & & \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá thực tế} \\ & & \text{NVL tồn đầu kì} & + & \text{NVL nhập trong kỳ} \\ \text{Đơn giá bình} & = & \frac{}{} & & \\ \text{quân cả kỳ dự trữ} & & \text{Số lượng thực tế} & + & \text{Số lượng thực tế} \\ & & \text{NVL tồn đầu kỳ} & & \text{NVL nhập trong kỳ} \end{array}$$

Ưu điểm: Phương pháp tính giá đơn vị bình quân cả kỳ đơn giản, dễ làm, không phụ thuộc vào số lần nhập – xuất nguyên vật liệu.

Nhược điểm: Trị giá xuất kho tính theo phương pháp này không chính xác bằng phương pháp giá đích danh, hơn nữa cuối kỳ mới có số liệu ghi chép nguyên vật liệu xuất kho làm chậm trễ công các kế toán và lập báo cáo tài chính. Ngoài ra, tính giá theo phương pháp này không phản ánh được sự biến động về giá của nguyên vật liệu làm ảnh hưởng đến công tác quyết toán chung.

Phương pháp đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập

- Phương pháp này khắc phục được nhược điểm của hai phương pháp trên, vừa chính xác, vừa cập nhập được thường xuyên liên tục.

$$\begin{array}{ccc} \text{Đơn giá bình quân sau} & & \text{Trị giá thực tế NVL tồn sau mỗi lần nhập} \\ \text{mỗi lần nhập} & = & \frac{}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn sau mỗi lần nhập}} \end{array}$$

Ưu điểm: Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập khắc phục được nhược điểm của phương pháp giá bình quân cả kỳ dự trữ, vừa chính xác vừa cập nhật.

Nhược điểm: Tốn nhiều công sức, thời gian tính toán, sau mỗi lần nhập mua hàng đều phải tính lại giá nguyên vật liệu.

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)

Phương pháp này giả thiết rằng nguyên vật liệu nào nhập vào kho trước sẽ được xuất ra trước, xuất hết số nhập trước rồi đến số nhập sau theo giá thực tế của số hàng nhập kho. Nói cách khác, giá thực tế của số hàng nhập trước sẽ được dùng làm giá để

tính giá thực tế của số hàng xuất trước và do vậy giá thực tế của số vật tư tồn cuối kì sẽ là giá thực tế của số hàng mua vào sau.

Ưu điểm: Phương pháp này phản ánh gần đúng với luồng xuất nhập hàng trong thực tế. Trong trường hợp vật tư được quản lý theo đúng hình thức nhập trước xuất trước, phương pháp này sẽ gần đúng với giá thực tế đích danh. Do đó sẽ phản ánh tương đối chính xác giá trị vật tư xuất kho và tồn kho. Hơn nữa, giá trị vật tư cuối kì chính là giá trị hàng mua vào sau cùng nên nó được phản ánh gần đúng với giá trị trường. Do đó phương pháp này cung cấp một giá trị hợp lý về giá trị hàng tồn kho cuối kỳ. Phương pháp này thích hợp với điều kiện hàng tồn kho luân chuyển nhanh.

Nhược điểm: Tuy nhiên khi áp dụng phương pháp này, chi phí sẽ có mức trễ hơn so với giá thị trường. Ví dụ như khi giá thị trường giảm, chi phí trong kì sẽ có xu hướng tăng lên. Nhưng trong trường hợp giá trị trên thị trường tăng, chi phí trong kì sẽ không tương thích với giá thị trường. Phương pháp này thường được áp dụng trong những doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu hay là có ít danh điểm. Số lần nhập nguyên vật liệu trong kì ít.

Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)

Phương pháp này dựa trên giả định rằng những vật tư được nhập vào kho sau cùng sẽ được xuất ra trước tiên. Nói cách khác, phương pháp này ngược với phương pháp FIFO

Ưu điểm: Phương pháp này khắc phục được những nhược điểm của phương pháp FIFO, nó bảo đảm được nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí, cụ thể là doanh thu hiện tại được tạo ra bởi giá trị của vật tư mới được thu mua vào ngày gần đó. Điều này dẫn đến việc kế toán sẽ cung cấp những thông tin đầy đủ và chính xác hơn về thu nhập của doanh nghiệp trong kì. Phương pháp này đặc biệt đúng trong thời kì lạm phát. Thuế là nguyên nhân làm cho phương pháp này được áp dụng phổ biến. Khi giá cả thị trường có xu hướng tăng lên, phương pháp này sẽ giúp cho doanh nghiệp giảm được số thuế thu nhập mà doanh nghiệp phải nộp cho nhà nước. Bởi vì giá của vật tư mua vào sau cùng thường cao hơn giá của vật tư được nhập vào trước tiên, sẽ được tính vào giá vốn hàng bán của các khoản doanh thu hiện tại. Điều này sẽ làm cho giá vốn hàng bán tăng, dẫn đến lợi nhuận giảm, làm cho thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp giảm.

Nhược điểm: Phương pháp có rất nhiều nhược điểm như: phương pháp này bỏ qua việc nhập xuất vật tư trong thực tế. Vật tư trong kì được quản lý gần như theo kiểu nhập trước xuất trước. Phương pháp này dẫn đến thu nhập thuần của doanh nghiệp giảm trong điều kiện lạm phát. Các nhà quản lý trong doanh nghiệp dường như thích việc báo cáo lãi thuần tăng hơn là thấy việc thuế phải nộp giảm đi. Lý do của điều này là các nhà quản lý trong doanh nghiệp sợ rằng các nhà đầu tư sẽ nhầm về khả năng

sinh lãi, khả năng thu hồi vốn đầu tư của họ. Điều này có thể dẫn đến giá cổ phiếu của công ty trên thị trường có thể bị giảm sút. Một nhược điểm khác đó là giá trị nguyên vật liệu trên Bảng cân đối kế toán có thể bị phản ánh thấp hơn so với giá trị thực tế của nó. Bởi theo phương pháp này giá trị nguyên vật liệu sẽ bao gồm giá của những vật tư được nhập vào đầu tiên với giá thấp hơn so với giá hiện thời. Điều này làm cho vốn lưu động của doanh nghiệp thấp hơn so với giá thực tế nguyên vật liệu (hàng tồn kho) dẫn đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp được nhìn nhận là kém hơn so với khả năng thực tế. Phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại nguyên vật liệu, số lần nhập ít.

1.5 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là việc hạch toán kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán trên cùng cơ sở chứng từ nhập, xuất kho nhằm đảm bảo theo dõi chặt chẽ số hiện có và tình hình biến động của từng loại, từng nhóm nguyên liệu về số lượng và giá trị. Vì vậy, các doanh nghiệp cần phải tổ chức hệ thống chứng từ, mở các sổ kế toán chi tiết và vận dụng các phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu phù hợp góp phần tăng cường quản lý nguyên vật liệu.

1.5.1 Chứng từ kế toán

Kế toán tình hình nhập xuất nguyên vật liệu liên quan đến nhiều chứng từ kế toán khác nhau, bao gồm những chứng từ có tính chất bắt buộc lẫn chứng từ có tính chất hướng dẫn hoặc tự lập. Tuy nhiên dù là loại chứng từ gì cũng phải đảm bảo có đầy đủ các yếu tố cơ bản, tuân thủ chặt chẽ trình tự lập, phê duyệt và luân chuyển chứng từ để phục vụ cho yêu cầu quản lý ở các bộ phận có liên quan và yêu cầu ghi sổ kiểm tra của kế toán. Kế toán viên cần tuân thủ đúng chế độ ghi chép về nguyên vật liệu được Nhà nước ban hành theo quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Hiện nay, kế toán được sử dụng các chứng từ chủ yếu sau :

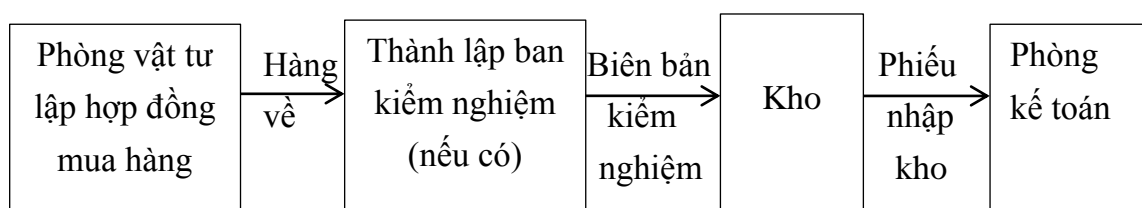
- Hoá đơn giá trị gia tăng (mẫu 01 - GTKT).
- Phiếu nhập kho (mẫu 01 - VT).
- Phiếu xuất kho (mẫu 02 - VT).
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (mẫu 03 - VT).
- Thẻ kho (mẫu 06 - VT)
- Hoá đơn cước phí vận chuyển (mẫu 03 - BH)

Ngoài các chứng từ bắt buộc sử dụng thống nhất theo quy định của Nhà nước, các doanh nghiệp có thể sử dụng thêm các chứng từ kế toán hướng dẫn như : Phiếu xuất vật liệu theo hạn mức (mẫu 04 - VT), Biên bản kiểm nghiệm vật liệu (mẫu 05 - VT), Phiếu báo vật liệu còn lại cuối kỳ (mẫu 07 - VT)... và các chứng từ khác tùy thuộc vào đặc điểm, tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp.

1.5.2 Thủ tục nhập - xuất kho nguyên vật liệu

1.5.2.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Sơ đồ 1.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu



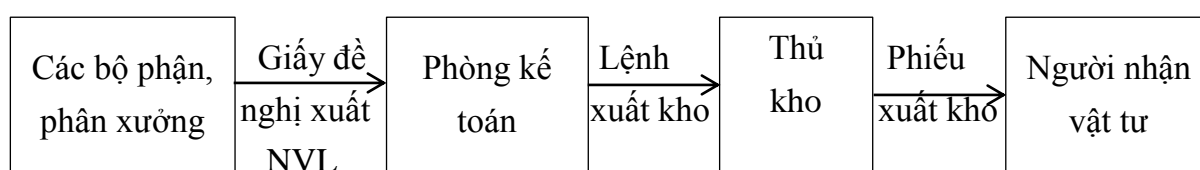
Bộ phận cung ứng dựa trên cơ sở hợp đồng mua hàng, hoá đơn, biên bản kiểm nghiệm vật tư để lập phiếu nhập kho. Phiếu nhập kho lập thành 2 liên (đối với nguyên vật liệu mua ngoài), 3 liên (đối với nguyên vật liệu tự sản xuất). Thủ kho sau khi nhận vật tư ghi số lượng vào cột thực nhập, ký nhận.

- Liên 1 : Do bộ phận lập phiếu giữ.
- Liên 2 : Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.
- Liên 3 (nếu có) : Người nhập giữ.

Còn hợp đồng mua hàng, hoá đơn của người bán được giao cho bộ phận tài vụ, làm thủ tục thanh toán và ghi sổ kế toán.

1.5.2.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Sơ đồ 1.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu



Bộ phận cung ứng lập phiếu xuất kho để theo dõi số lượng nguyên vật liệu xuất kho cho các bộ phận, phân xưởng, để có kế hoạch cung ứng nguyên vật liệu kịp thời cho sản xuất và làm căn cứ để kế toán hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Phiếu xuất kho lập thành 3 liên:

- Liên 1 : Do bộ phận lập phiếu giữ.
- Liên 2 : Thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.
- Liên 3 (nếu có) : Người nhận nguyên vật liệu giữ.

Đối với trường hợp xuất bán nguyên vật liệu, bộ phận cung ứng căn cứ vào những thoả thuận của khách hàng để lập hoá đơn kiêm phiếu xuất kho. Phiếu này được lập làm 3

liên. Một liên giao cho khách hàng, một liên giao cho bộ phận cung ứng, một liên giao cho thủ kho ghi thẻ kho sau đó chuyển cho kế toán.

1.5.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song

Nguyên tắc: ở kho ghi chép về mặt số lượng, ở phòng kế toán ghi chép cả về số lượng lẫn giá trị từng loại nguyên vật liệu.

Trình tự ghi chép:

Ở kho: Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất nguyên vật ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu số tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán.

Ở phòng kế toán: Mở thẻ hoặc sổ kế toán chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu có liên quan.

Cuối tháng kế toán cộng thẻ hoặc sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Ưu điểm: ghi chép đơn giản, dễ đối chiếu và phát hiện sai sót, cung cấp thông tin tình hình nhập xuất tồn của nguyên vật liệu kịp thời và chính xác.

Nhược điểm: khối lượng công việc lớn, trùng lặp trong khâu ghi chép và công việc bị dồn vào cuối kỳ.

Bảng 1.2 Thẻ kho

THẺ KHO

Ngày lập thẻ:.....

Tờ số:

Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư:.....

Đơn vị tính:

Mã số :

STT	Chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
	Số hiệu	Ngày tháng			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	1	2	3	F	
			Tồn đầu kỳ					
							
			Cộng phát sinh					
			Tồn cuối kỳ					

Bảng 1.3 Sổ chi tiết vật liệu

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU

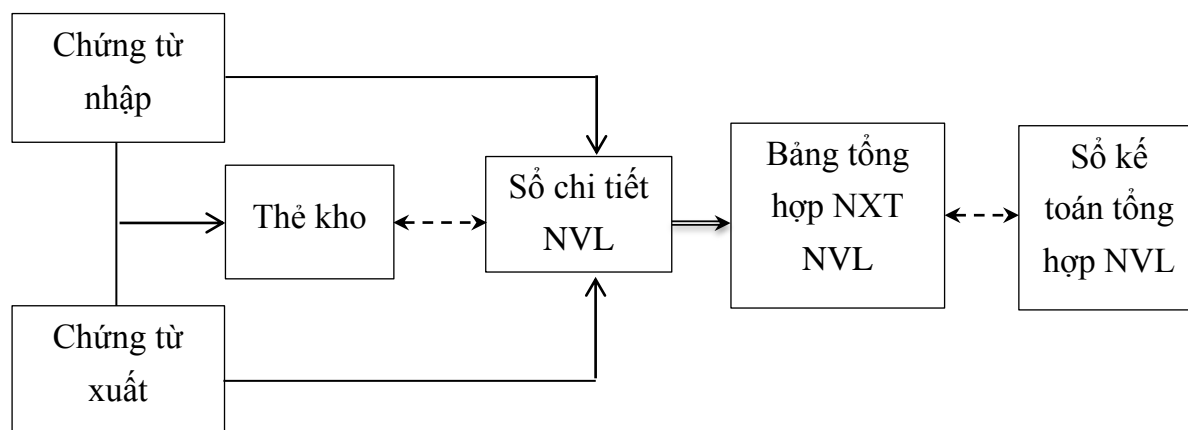
Tên vật liệu:.....

Quy cách, phẩm chất:.....

Đơn vị tính:

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
	Số hiệu	NT				SL	TT	SL	TT	SL	TT	
			Tồn đầu kỳ									
											
			Cộng phát sinh									
			Tồn cuối kỳ									

Sơ đồ 1.3 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song



Ghi chú:

- > Ghi hằng ngày
- <-----> Đối chiếu số liệu
- =====> Ghi cuối tháng

1.6 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

1.6.1 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên

1.6.1.1 Đặc điểm của phương pháp kê khai thường xuyên

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp ghi chép, phản ánh thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất kho trên các tài khoản nguyên vật liệu căn cứ vào các chứng từ nhập, xuất. Trị giá nguyên vật liệu tồn kho xác định ngay trên các tài khoản nguyên vật liệu tại bất kỳ thời điểm nào. Cuối kỳ tiến hành kiểm kê, nếu có chênh lệch giữa số liệu thực tế và số liệu trên sổ kế toán phải tìm rõ nguyên nhân và biện pháp xử lý kịp thời.

Ưu điểm: có độ chính xác cao và cung cấp thông tin hàng tồn kho ở bất kỳ thời điểm nào trong kỳ kế toán.

Nhược điểm: khối lượng ghi chép nhiều, không thích hợp với những doanh nghiệp sử dụng những loại hàng tồn kho mà trị giá nhỏ thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

1.6.1.2 Tài khoản sử dụng

TK152 – Nguyên vật liệu

TK 151 – Hàng mua đang đi đường

Ngoài các tài khoản trên, còn sử dụng các tài khoản như : TK 111 - Tiền mặt, TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, TK 331 - Phải trả người bán, TK 133 - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 627 – Chi phí sản xuất chung, TK 641 – Chi phí bán hàng, TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.....

TK 152 – Nguyên vật liệu: dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động về trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu trong kho.

Kết cấu TK 152

TK 152 – Nguyên vật liệu	
SDDK: Trị giá nguyên vật liệu tồn đầu kỳ + Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho do mua, tự sản xuất, thuê gia công, nhận góp vốn, ... + Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thừa khi kiểm kê. + Kết chuyển tồn kho cuối kỳ.(PPKKĐK)	+ Giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất, bán, thuê ngoài gia công, đi góp vốn.... + Trị giá nguyên vật liệu được giảm giá hoặc trả lại người bán. + Trị giá nguyên vật liệu phát hiện thiếu khi kiểm kê. + Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.(PPKKĐK)
SDCK: Trị giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ.	

TK 151 – Hàng mua đang đi đường: dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của số hàng mua thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp nhưng cuối tháng chưa về nhập kho hoặc chuyển cho các đối tượng sử dụng.

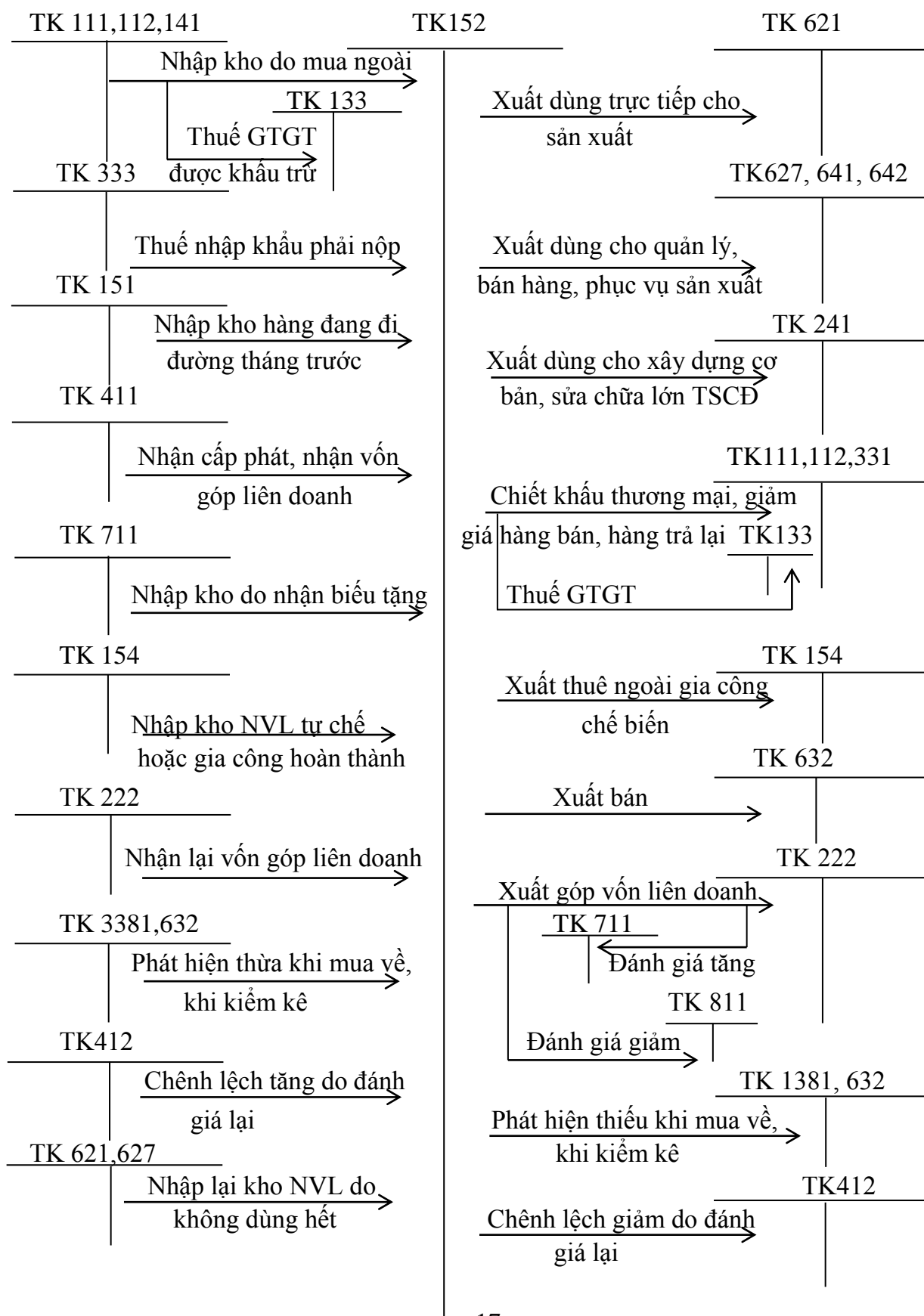
Kết cấu của TK 151

TK 151 – Hàng mua đang đi đường

SDDK: trị giá hàng đi đường chưa về nhập kho đầu kỳ. + Giá trị hàng hoá, vật tư đã mua trong kỳ đang đi đường. + Giá trị thực tế nguyên vật liệu đang đi đường cuối kỳ.(PPKKĐK)	+ Giá trị hàng hoá, nguyên vật liệu đi đường đã về nhập kho hoặc chuyển giao cho các đối tượng sử dụng hoặc cho khách hàng. + Trị giá thực tế nguyên vật liệu đang đi đường đầu kỳ.(PPKKĐK)
SDCK: Giá trị hàng đang đi đường chưa về nhập kho cuối kỳ.	

1.6.1.3 Phương pháp kế toán

Tại doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ
Sơ đồ 1.4 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên



Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Về cơ bản việc hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm nguyên vật liệu ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng được thực hiện tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ khác là không tách riêng thuế ra mà giá thực tế của nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

Nợ TK 152 (Tổng giá thanh toán vật liệu mua ngoài)

Có TK 111, 112, 331....

1.6.2 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.6.2.1 Đặc điểm của phương pháp kiểm kê định kỳ

Là phương pháp theo dõi không thường xuyên, liên tục tình hình nhập, xuất kho trên tài khoản nguyên vật liệu. Các tài khoản này chỉ dùng để phản ánh trị giá nguyên vật liệu hiện có lúc đầu kỳ và cuối kỳ, căn cứ vào kết quả kiểm kê.

Trị giá nguyên vật liệu tăng trong kỳ được hạch toán vào tài khoản mua hàng căn cứ vào các chứng từ như hoá đơn GTGT, phiếu nhập kho,... Trị giá nguyên vật liệu xuất kho không căn cứ trực tiếp vào chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê nguyên vật liệu và trị giá nguyên vật liệu xuất kho được tính theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} & & \text{Tổng giá vật tư} & & \text{Trị giá vật tư} \\ \text{xuất kho} & = & \text{tồn đầu kỳ} & + & \text{nhập trong kỳ} & - & \text{tồn cuối kỳ} \end{array}$$

Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm và giúp kế toán tiết kiệm được công sức ghi chép.

Nhược điểm: Độ chính xác không cao, chỉ thích hợp với những doanh nghiệp có những chủng loại nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hoá có giá trị nhỏ, thường xuyên xuất dùng, xuất bán.

1.6.2.2 Tài khoản sử dụng

Theo phương pháp này, mọi biến động về vật tư không được theo dõi, phản ánh trên tài khoản 152 – Nguyên vật liệu, mà giá trị nguyên vật liệu mua vào được phản ánh trên tài khoản 611 – Mua hàng

Ngoài các tài khoản trên, còn sử dụng các tài khoản như : TK 111 - Tiền mặt, TK 112 - Tiền gửi ngân hàng, TK 331 - Phải trả người bán, TK 133 - Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, TK 621 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, TK 627 – Chi phí sản xuất chung, TK 641 – Chi phí bán hàng, TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.....

TK 611: dùng để phản ánh tình hình biến động của nguyên vật liệu.

Kết cấu của TK 611

TK 611 – Mua hàng

+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ.	+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất dùng trong kỳ.
+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ.	+ Trị giá thực tế nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ trả lại cho người bán hoặc được giảm giá.
	+ Trị giá thực tế của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ

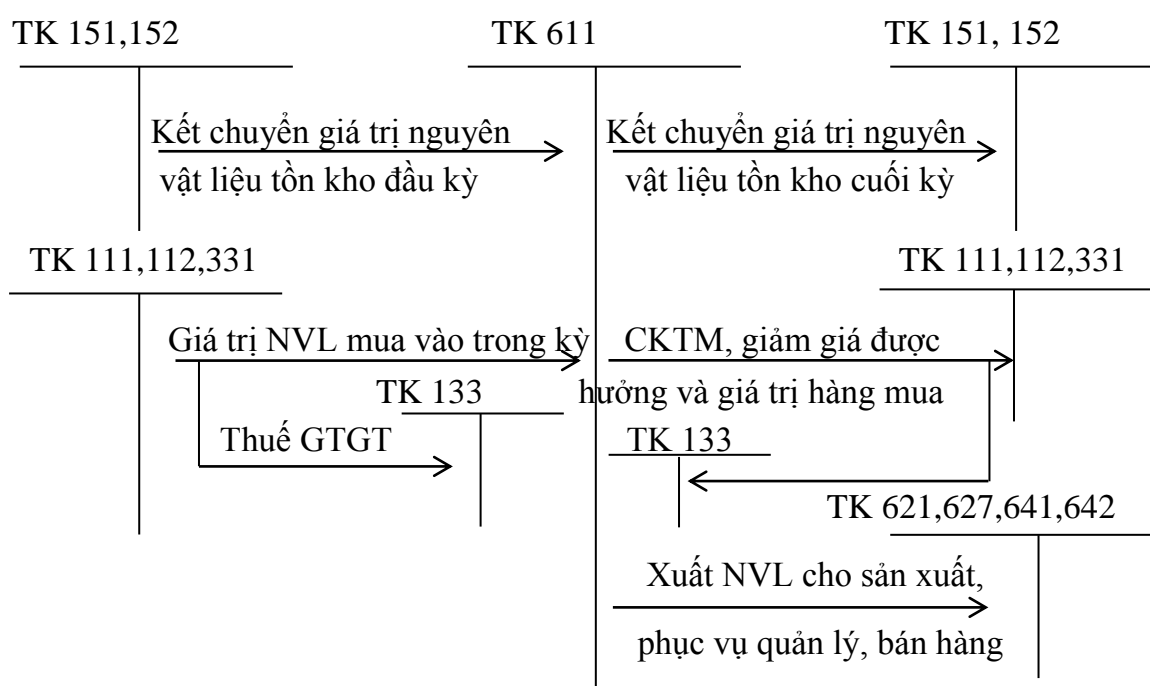
Tài khoản 611 có hai tài khoản cấp 2:

- TK 6111 – Mua nguyên vật liệu.
- TK 6112 – Mua hàng hoá

1.6.2.3 Phương pháp kế toán

Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ

Sơ đồ 1.5 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ



Tại doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp

Về cơ bản việc hạch toán các nghiệp vụ tăng, giảm nguyên vật liệu ở doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp cũng được thực hiện tương tự như doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, chỉ khác là không tách riêng thuế ra mà giá thực tế của nguyên vật liệu bao gồm cả thuế GTGT.

Nợ TK 611 (Tổng giá mua bao gồm cả thuế)

Có TK 111, 112, 331...

1.7 Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho

1.7.1 Đặc điểm

Dự phòng thực chất là việc ghi nhận trước một khoản chi phí thực tế chưa thực chi vào chi phí kinh doanh của niên độ báo cáo để có nguồn tài chính cần thiết bù đắp những thiệt hại có thể xảy ra trong niên độ liền sau.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là ước tính một khoản vào chi phí (giá vốn hàng bán) vào thời điểm cuối niên độ khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị dự phòng nguyên vật liệu được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của nguyên vật liệu tồn lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là việc lập dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất do giá nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho bị giảm giá, đồng thời dự phòng giảm giá hàng tồn kho phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của doanh nghiệp khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ hạch toán.

Theo thông tư 228/2009/TT – BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính, mức lập dự phòng được tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{l} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá} \\ \text{nguyên vật} \\ \text{liệu, hàng hoá} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Lượng nguyên vật} \\ \text{liệu, hàng hoá thực tế} \\ \text{tồn kho tại thời điểm} \\ \text{lập báo cáo tài chính} \end{array} \times \left(\begin{array}{cc} \text{Giá gốc} & \text{Giá trị thuần} \\ \text{hàng tồn} & \text{có thể thực} \\ \text{kho theo sổ} & \text{hiện được của} \\ \text{kế toán} & \text{hàng tồn kho} \end{array} \right)$$

Trong đó:

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán hàng.

1.7.2 Tài khoản sử dụng

Tài khoản 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập khi có những bằng chứng tin

cây về sự giảm giá của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Kết cấu của TK 159:

TK 159	
+ Hoàn nhập số dự phòng giảm giá hàng tồn kho.	+ Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.
	SDCK: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối kỳ.

1.7.3 Phương pháp kế toán

Cuối niên độ kế toán, căn cứ vào mức dự phòng giảm giá hàng tồn kho, kế toán ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán tiếp theo:

- Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cuối niên độ kế toán năm trước, thì số chênh lệch lớn hơn được lập thêm như sau:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Trường hợp số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập cuối niên độ kế toán năm trước, thì số chênh lệch lớn hơn được hoàn nhập như sau:

Nợ TK 159 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

1.8 Các hình thức tổ chức sổ kế toán nguyên vật liệu

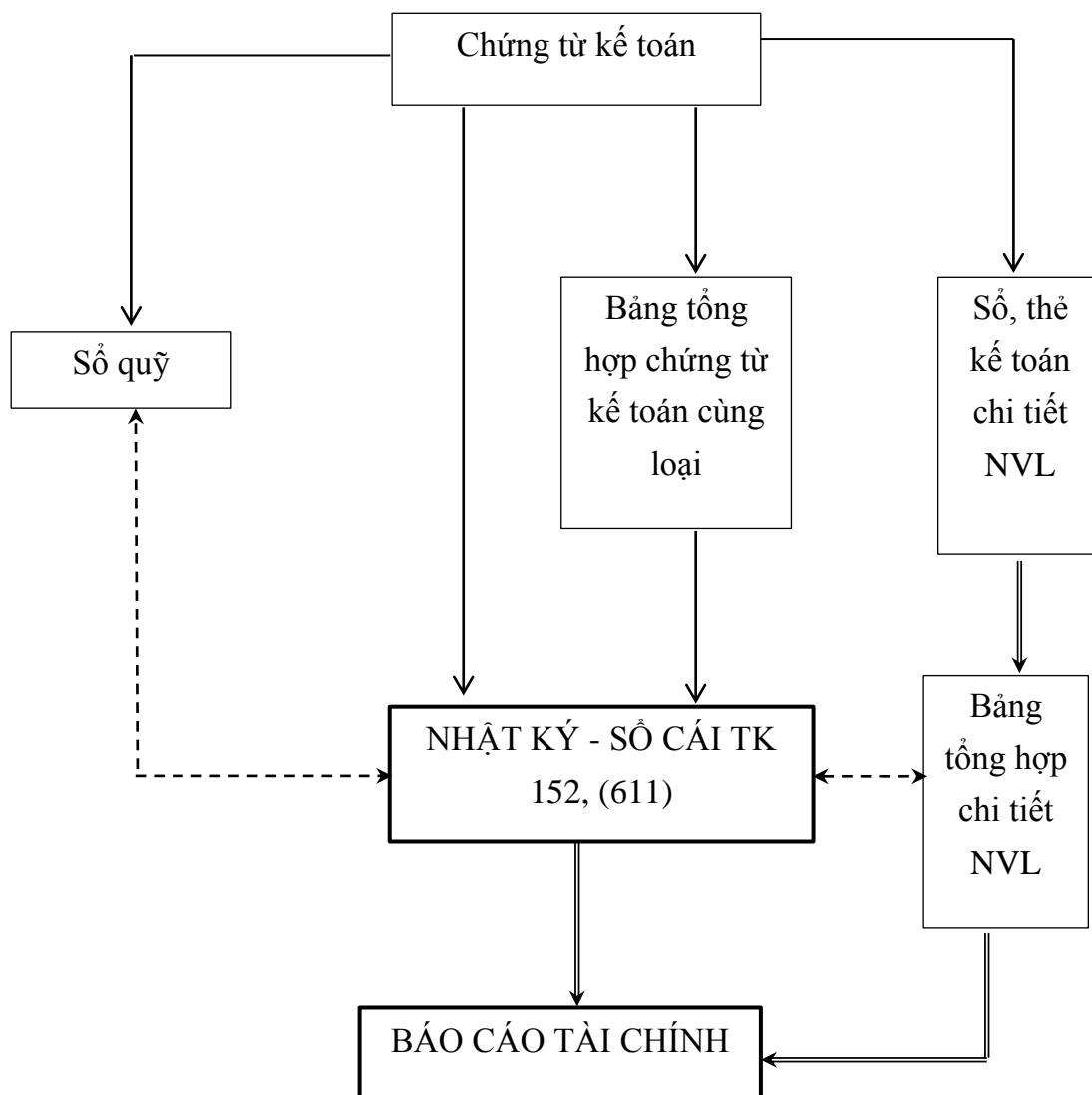
Quy mô nền sản xuất xã hội ngày càng phát triển, yêu cầu quản lý đối với nền sản xuất xã hội ngày càng cao, yêu cầu cung cấp thông tin ngày càng nhanh làm cho hình thức kế toán ngày càng phát triển và hoàn thiện. việc vận dụng hình thức sổ kế toán nào là tùy đặc điểm cụ thể của từng doanh nghiệp.

1.8.1 Hình thức nhật ký - sổ cái

Điều kiện áp dụng:

- Loại hình hoạt động kinh doanh là đơn giản nhất (để tránh sổ quá béo), thường dùng trong đơn vị hành chính sự nghiệp
- Quy mô hoạt động kinh doanh nhỏ, dùng ít tài khoản, có ít nghiệp vụ phát sinh.
- Trình độ quản lý và kế toán thấp

Sơ đồ 1.6 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - sổ cái



Ghi chú

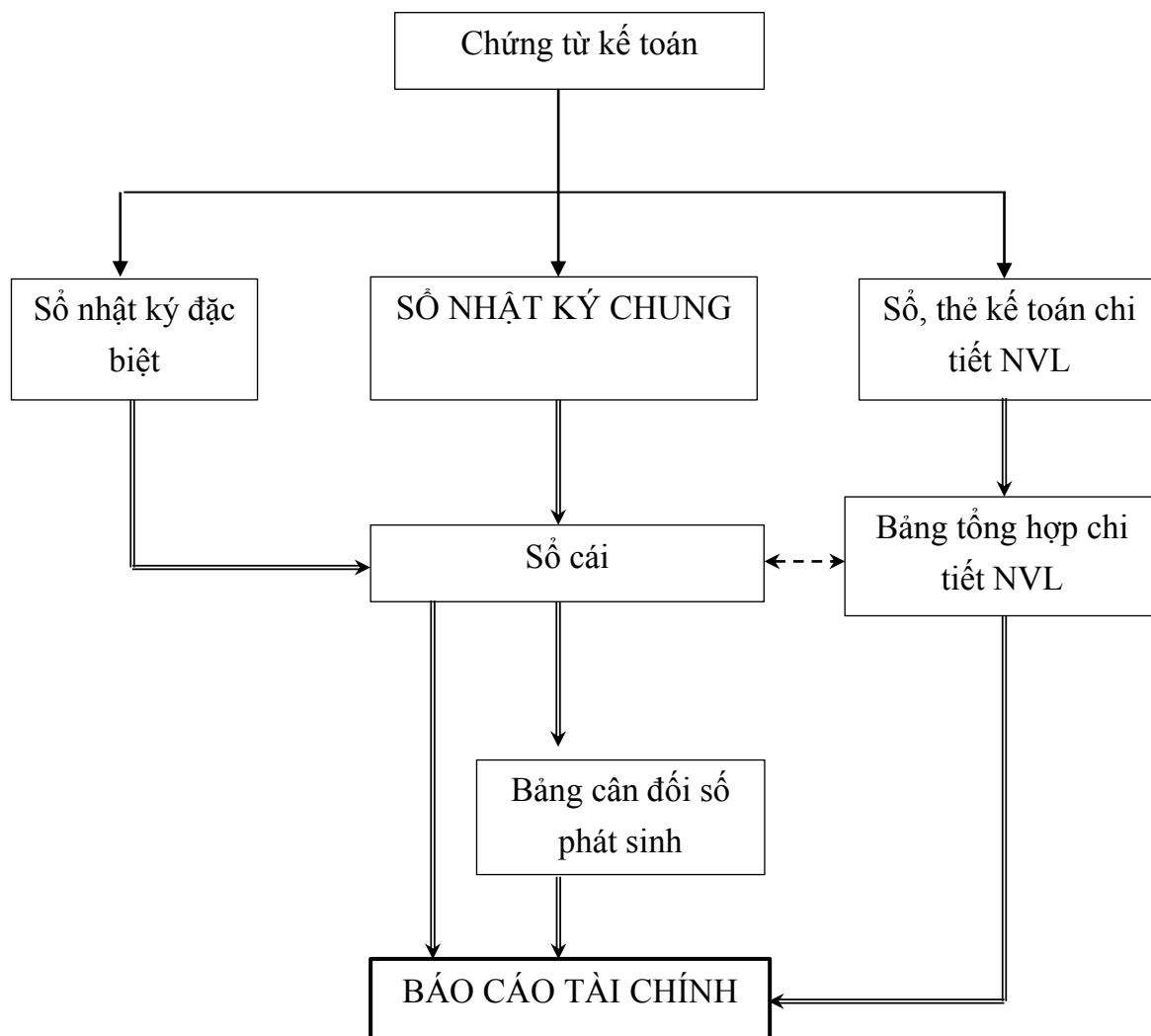
- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

1.8.2 Hình thức nhật ký chung

Điều kiện áp dụng:

- Loại hình doanh nghiệp đơn giản
- Quy mô doanh nghiệp vừa và nhỏ
- Trình độ quản lý và khả năng lao động kế toán thấp

Sơ đồ 1.7 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú

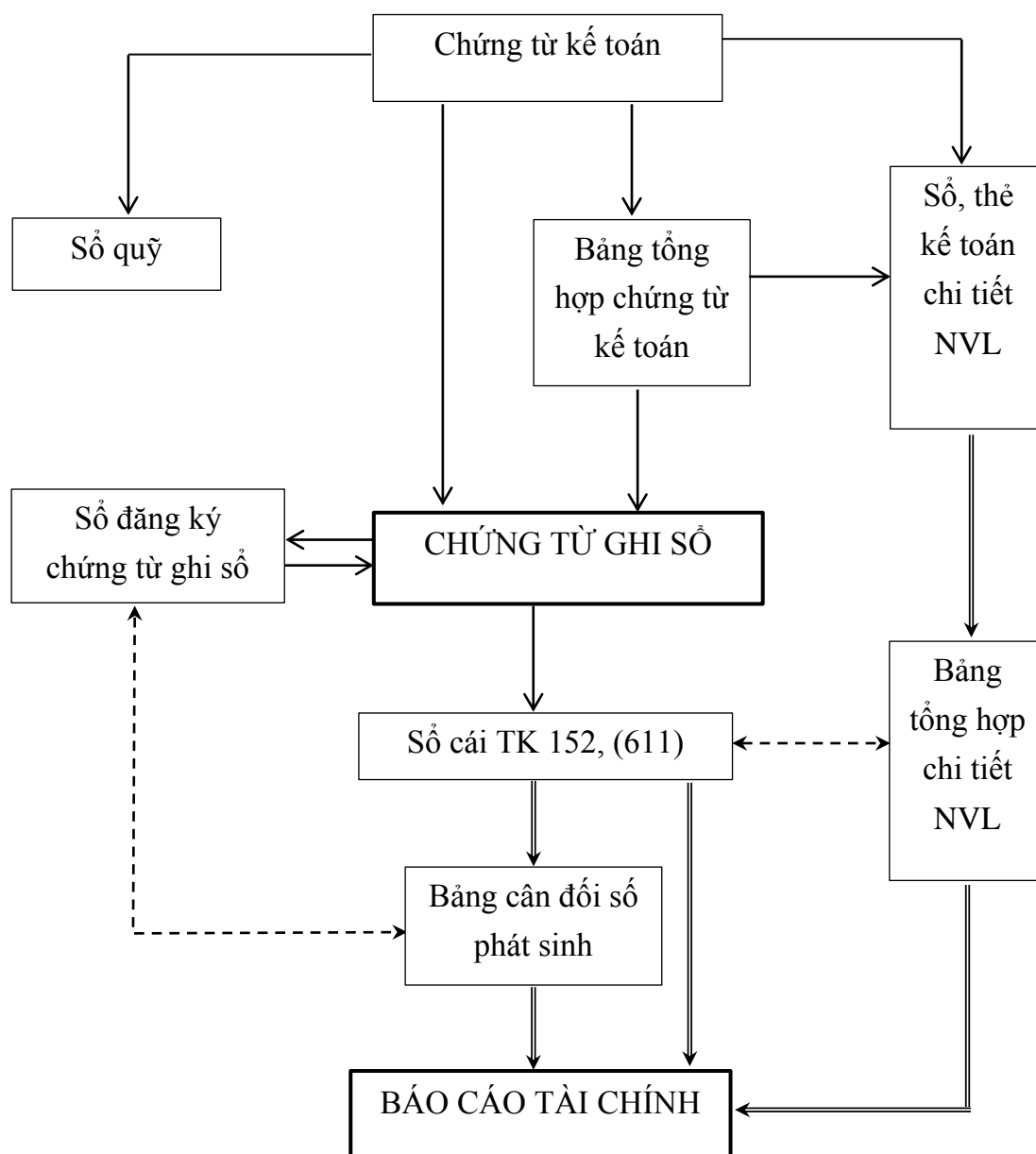
- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.8.3 Hình thức chứng từ ghi sổ

Điều kiện áp dụng:

- Thích hợp với mọi loại quy mô đơn vị sản xuất kinh doanh cũng như đơn vị hành chính sự nghiệp
- Phù hợp với cả hình thức kế toán máy và kế toán thủ công

Sơ đồ 1.8 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức chứng từ ghi sổ



Ghi chú

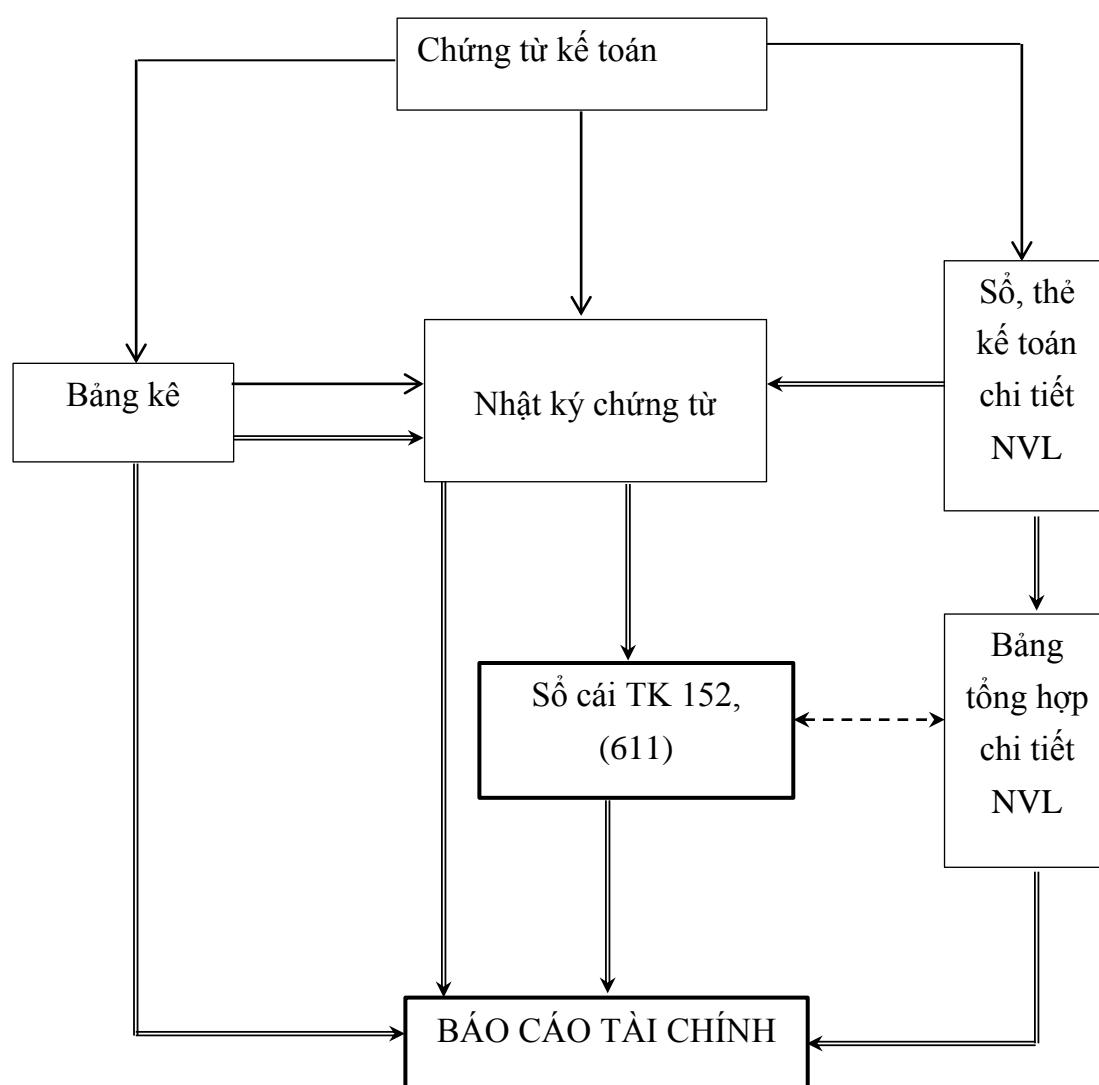
- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kỳ
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

1.8.4 Hình thức nhật ký - chứng từ

Điều kiện áp dụng:

- Áp dụng cho các loại hình kinh doanh phức tạp.
- Quy mô kinh doanh lớn.
- Có trình độ quản lý cao, yêu cầu thông tin nhiều và nhanh.
- Có trình độ kế toán cao, và có nhu cầu phân công chuyên môn hoá cao.
- Áp dụng có hiệu quả trong điều kiện kế toán thủ công.

Sơ đồ 1.9 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký - chứng từ



CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TIẾN BẢO

2.1 Tổng quan về công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty

Tên công ty: Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo.

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo là một doanh nghiệp được thành lập ngày 26 tháng 07 năm 2009 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Địa chỉ trụ sở : Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.
- Địa chỉ nhà máy: Lô 2, khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
- Số điện thoại: 0433716636
- Mã số thuế: 0105422785
- Giám đốc: Lê Thị Thoa

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo là một doanh nghiệp vừa và nhỏ với khoảng 100 lao động, hoạt động kinh doanh các lĩnh vực sản xuất bánh kẹo, thực phẩm. Công ty sẽ tạo ra và phục vụ cho tất cả người tiêu dùng Việt Nam những sản phẩm nhằm đáp ứng các yêu cầu và giải toả những mối lo toan về sức khoẻ, vệ sinh an toàn thực phẩm và cả vấn đề tài chính của bạn. Đáp ứng tối đa sự thoả mãn nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng chính là mục tiêu cho sự phát triển vững bền của công ty.

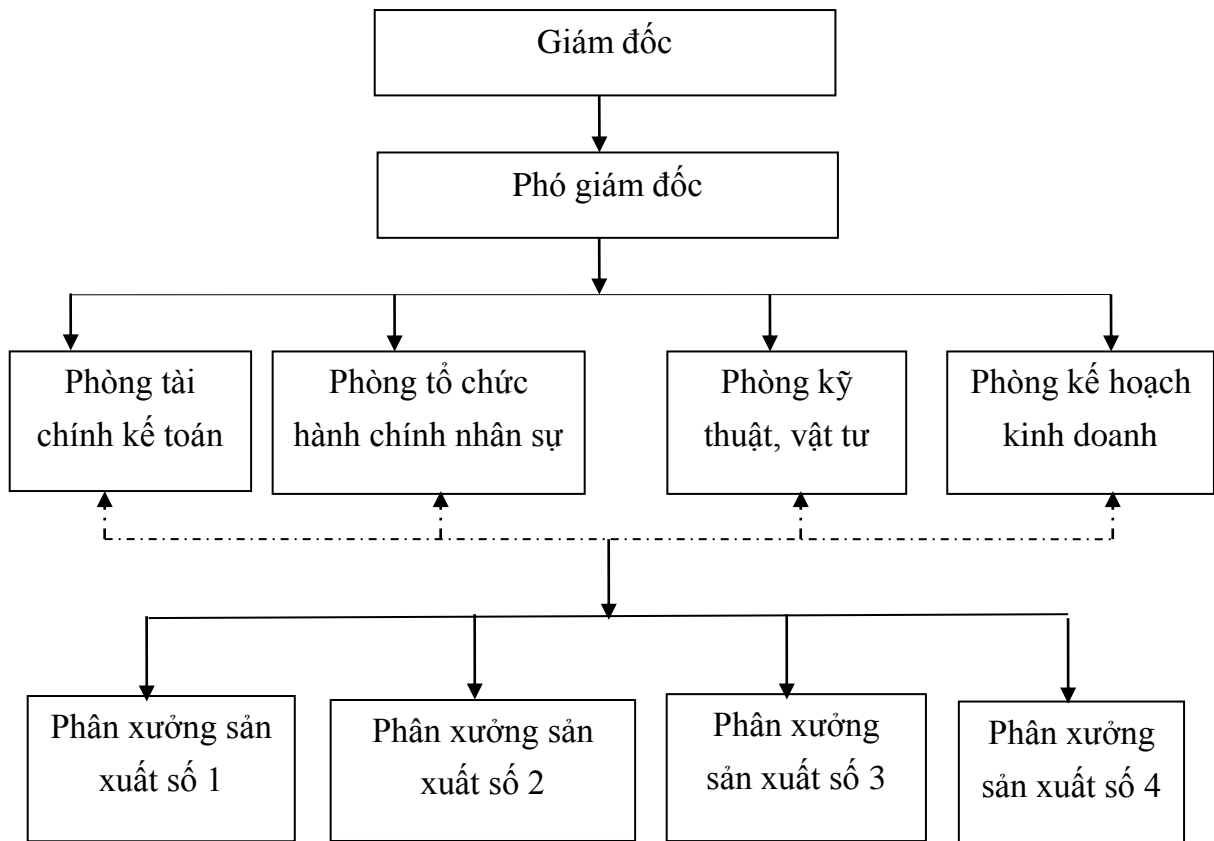
2.1.2 Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo thuộc loại hình công nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất chế biến thực phẩm, nguyên liệu chủ yếu mà công ty sử dụng là các loại nông sản như bột mỳ, gạo, muối, mía đường và các hương liệu, phụ gia khác. Sản phẩm sản xuất ra là các loại bánh kẹo khô được bao gói theo mẫu nhất định. Hiện nay, sản phẩm chính của công ty thì sản phẩm bánh gạo. Do đặc điểm của sản phẩm nên bộ máy sản xuất của công ty chia làm 4 phân xưởng. Mỗi phân xưởng thực hiện một quy trình công nghệ khép kín với chu trình sản xuất ngắn. Các dây chuyền sản xuất đều là bán tự động kết hợp với thủ công. Với sản phẩm sản xuất ra có các bước công nghệ tương đối ngắn nên cuối tháng công ty không có sản phẩm dở dang.

Trong năm các sản phẩm của công ty có khối lượng tiêu thụ không ổn định qua các tháng do nhu cầu trên thị trường. Điều này dẫn đến kế hoạch sản xuất của công ty không đều giữa các tháng, do vậy vào thời điểm sản xuất thị trường có nhu cầu về sản phẩm lớn công ty phải sử dụng lao động thời vụ để đảm bảo cung ứng đầy đủ sản phẩm cho nhu cầu dự trữ và tiêu thụ.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của công ty

**Sơ đồ 2.1 Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH chế biến thực phẩm
Tiền Bảo**



(Nguồn: Phòng tổ chức hành chính nhân sự)

Chức năng của từng bộ phận:

Giám đốc

Là người đại diện pháp nhân của công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiền Bảo có chức năng điều hành trực tiếp mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm chỉ đạo chung toàn bộ các hoạt động của doanh nghiệp, phải chịu trách nhiệm trước nhà nước về mọi kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Giám đốc có chức năng, nhiệm vụ sau:

- Quyết định phương hướng, kế hoạch, dự án sản xuất, kinh doanh, hợp tác đầu tư, liên doanh liên kết, tổ chức bộ máy điều hành, kế hoạch đào tạo cán bộ và đề cử Phó giám đốc, Kế toán trưởng, bổ nhiệm, bãi miễn trưởng, phó phòng công ty.
- Phê chuẩn quyết toán của các đơn vị, bộ phận và tổng duyệt quyết toán của công ty.
- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh của công ty và thực hiện nộp ngân sách hàng năm theo quy định của pháp luật.

Phó giám đốc

Giúp việc và làm tham mưu cho Giám đốc về các mặt vật tư hàng hoá xuất, nhập. Hoạt động theo sự phân công uỷ quyền của giám đốc và chịu trách nhiệm trước giám đốc về các lĩnh vực được giao. Ngoài ra còn phải giúp đỡ giám đốc quản lý và điều hành doanh nghiệp.

- Tổ chức sắp xếp và điều hành hoạt động của các bộ phận chức năng, các bộ phận sản xuất làm việc theo đúng nội quy, quy định của doanh nghiệp.
- Quản lý cán bộ, công nhân viên của doanh nghiệp, có quyền đề bạt nâng lương, xét thưởng cho những cá nhân xuất sắc cũng như xem xét xử lý các vi phạm kỷ luật. Có quyền điều động, chuyển chuyên cán bộ, công nhân viên cho phù hợp với yêu cầu công việc. Xây dựng và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên ngày càng nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực quản lý, tạo bầu không khí thi đua sôi nổi, tinh thần đoàn kết gắn bó trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Các Phòng chức năng Công ty:

Có nhiệm vụ chấp hành quyết định của cơ quan cấp trên, giám đốc công ty, tổ chức triển khai, giám sát việc thực hiện các kế hoạch, tiến độ kinh doanh, các tiêu chuẩn và định mức kinh tế, các chế độ quản lý giúp Giám đốc nắm vững tình hình của công ty. Chức năng của từng phòng ban như sau:

- **Phòng tài chính kế toán:** Tổ chức triển khai các công việc quản lý tài chính của doanh nghiệp theo phân cấp để phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.
- + Chỉ đạo thực hiện các công việc về lĩnh vực kế toán, thống kê theo quy chế tài chính đảm bảo chính xác, kịp thời, trung thực.
- + Thực hiện kiểm tra các hợp đồng kinh tế.
- + Thực hiện quản lý chế độ chính sách tài chính của doanh nghiệp và chế độ chính sách với người lao động trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.
- + Tổng hợp số liệu báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm của doanh nghiệp theo quy định của doanh nghiệp và chế độ báo cáo tài chính theo quy định của Bộ tài chính.
- + Tổ chức thực hiện các thủ tục quản lý thanh toán nội bộ, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế thuộc phạm vi doanh nghiệp được phân cấp quản lý.
- + Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp, báo cáo lên Giám Đốc mọi phát sinh thường kỳ hoặc bất thường trong mọi hoạt động của doanh nghiệp, để có biện pháp quản lý và điều chỉnh kịp thời hợp lý, nhằm giảm thiểu thất thoát và thiệt hại cho doanh nghiệp. Tuân thủ đúng quy định của nhà nước về thể lệ kế toán và sổ sách chứng từ, thực hiện đúng và đủ những khoản thuế theo luật định, báo các kịp

thời đến Giám đốc những thay đổi của nhà nước về quản lý tài chính kế toán để có chủ trương phù hợp.

- **Phòng tổ chức hành chính nhân sự:** Tham mưu cho giám đốc về quản lý hành chính, tổ chức hoạt động tiền lương. Tiếp nhận hồ sơ tuyển dụng, quản lý hồ sơ của nhân viên toàn công ty. Thay mặt Giám đốc giao dịch với các cơ quan đoàn thể chính quyền địa phương. Nghiên cứu xây dựng hoàn thiện mô hình tổ chức công ty, đào tạo sắp xếp cán bộ công nhân viên.

- **Phòng kỹ thuật, vật tư:** Chịu trách nhiệm về kỹ thuật các thiết bị máy móc sản xuất tại các phân xưởng, thiết kế các mẫu mã sản phẩm phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng. Thực hiện các công tác đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề bậc cao, công tác sáng kiến - cải tiến kỹ thuật; hợp lý hoá sản xuất; công tác an toàn lao động và vệ sinh lao động của công ty. Tham mưu công tác xây dựng quy định các phương pháp thử nghiệm và kiểm tra chất lượng của nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, hàng hóa mua về. Tổ chức, lãnh đạo và chỉ đạo sản xuất toàn bộ nhân viên, công nhân thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ mà công ty đã giao.

- **Phòng kế hoạch kinh doanh:** Tham mưu, xây dựng, lập kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của công ty; Tham mưu trình lãnh đạo lựa chọn phương án sản xuất tối ưu; Giải quyết các công việc liên quan trong quá trình tiêu thụ sản phẩm.

Thay mặt Ban giám đốc thực hiện đàm phán, soạn thảo hợp đồng kinh tế, mua bán hàng hóa, tổ chức các hoạt động mua bán, lập kế hoạch kinh doanh, tạo mối quan hệ với khách hàng, thu hồi tiền bán hàng, đôn đốc khách hàng thanh toán khi đến hạn.

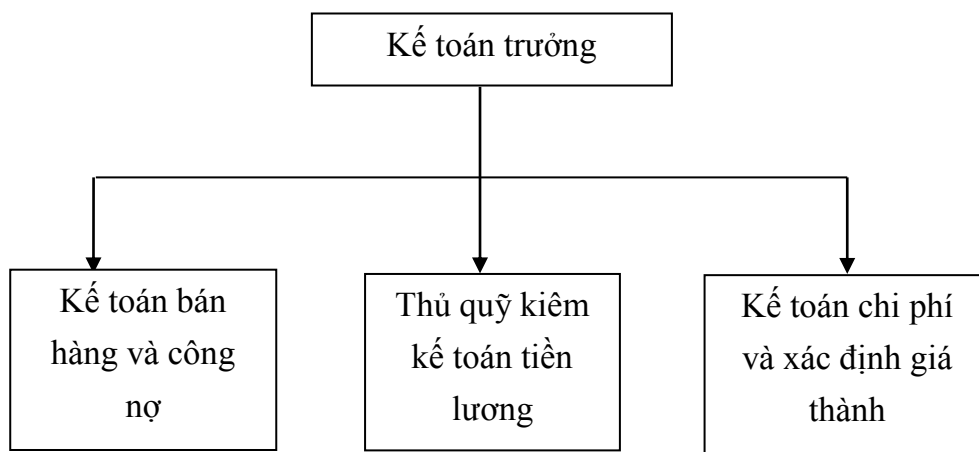
- **Các phân xưởng sản xuất:** Sau khi ký kết các hợp đồng cung cấp hàng hóa, các phân xưởng có nhiệm vụ sản xuất theo sự chỉ đạo trực tiếp của các phòng ban có liên quan. Đảm bảo hàng hóa sản xuất đúng thời gian, đảm bảo chất lượng, đảm bảo giữ vệ sinh an toàn thực phẩm trong sản xuất.

Các phòng ban, các đội trong công ty có quan hệ mật thiết với nhau, các phòng ban có trách nhiệm hướng dẫn các phân xưởng sản xuất và tạo điều kiện cho họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình đồng thời các phân xưởng sản xuất là người nắm bắt quá trình sản xuất, các công đoạn trong dây chuyền tạo ra sản phẩm nên phản ánh lại để các phòng ban nắm vững hơn tình hình hiện tại để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

2.1.4 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Công ty áp dụng mô hình tổ chức bộ máy kế toán tập trung tại phòng kế toán.

Sơ đồ 2.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy tổ chức kế toán tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiên Bảo



(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Bộ máy kế toán của công ty gồm 04 người: Mỗi người chuyên trách một phần hành kế toán nhất định với phương châm gọn nhẹ, năng suất và chất lượng công việc là hàng đầu, điều hành trong một thể thống nhất để cùng tiến hành thu nhận, hệ thống hóa xử lý và cung cấp thông tin về toàn bộ hoạt động kinh tế tài chính của công ty.

- **Kế toán trưởng** : Là người điều hành và giám sát mọi hoạt động của bộ máy kế toán, chịu trách nhiệm về nghiệp vụ chuyên môn kế toán, tài chính của công ty. Thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước, lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế , quyết toán thuế với cơ quan nhà nước. Kiểm tra việc bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán. Lập kế hoạch thu mua, quản lý nguyên vật liệu.

- **Kế toán chi phí và xác định giá thành:** Hàng tháng tập hợp chi phí phát sinh, tính giá thành cho từng loại sản phẩm và tổng giá thành sản phẩm. Bên cạnh đó kế toán tổng hợp còn dựa vào số liệu thu thập được trong quý và tình hình thực tế của công ty để tiến hành phân tích các chỉ tiêu thực tế so với kế hoạch. Từ đó tìm ra nguyên nhân của những tồn đọng để đưa ra các biện pháp khắc phục, giúp Tổng Giám đốc công ty có được kế hoạch sản xuất, kinh doanh có hiệu quả hơn.

- **Thủ Quỹ kiêm kế toán tiền lương:** Chịu trách nhiệm bảo quản, lưu giữ tiền mặt, ghi sổ các phiếu thu, chi. Thực hiện việc kiểm kê đột ngột hoặc định kỳ theo quy định. Quản lý hồ sơ gốc của tài sản thế chấp, bảo lãnh, các giấy tờ có giá trị như tiền, kỳ

phiếu, trái phiếu... Chịu trách nhiệm tính lương và các khoản trích theo lương cho cán bộ công nhân viên trong công ty

- **Kế toán bán hàng và công nợ:** Theo dõi tình hình nhập xuất tồn kho thành phẩm, theo dõi các khoản phải thu của khách hàng, đối chiếu với kế toán công nợ. Lập bảng kê bán hàng theo định kỳ. Quản lý sự biến động nguyên vật liệu nhập xuất, dùng trong tháng. Cuối mỗi tháng kế toán lập bảng báo cáo nhập xuất tồn nguyên vật liệu. Ngoài ra, kế toán vật tư còn theo dõi công nợ phải trả, theo dõi tình hình thanh toán của công ty với các nhà cung cấp

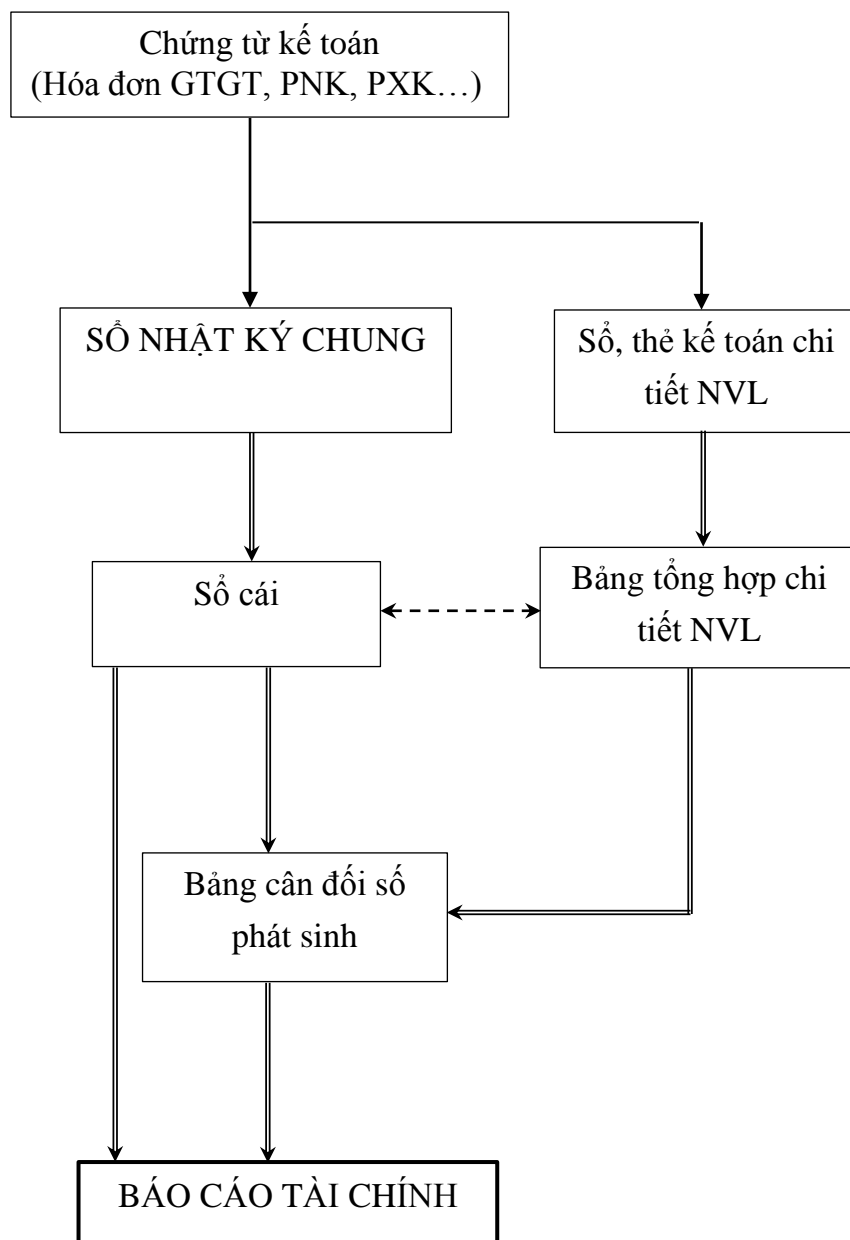
2.1.5 Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại công ty

Dựa trên quy mô, đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý mà hệ thống tài khoản, chứng từ và sổ sách công ty sử dụng theo Quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức “Nhật ký chung”. Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được ghi chép, theo dõi trên sổ Nhật ký chung theo trình tự thời gian và quan hệ đối ứng tài khoản, sau đó sử dụng các số liệu ở sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ Cái tài khoản có liên quan.

Công ty thực hiện công tác kế toán thủ công. Hằng ngày, khi có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh kế toán ghi chép vào các sổ có liên quan. Và để công tác kế toán tại công ty được thực hiện dễ dàng hơn, hiện nay công ty đang sử dụng các ứng dụng văn phòng thông dụng như Word, Excel. Chỉ là các ứng dụng thông thường nhưng với trình độ hiểu biết của kế toán viên trong công ty, hai ứng dụng đó đã giúp xử lý khá nhiều thông tin cần thiết cho ban lãnh đạo. Kế toán viên sử dụng Word chủ yếu để thảo hợp đồng và lập các chứng từ, biên bản kiểm nghiệm, giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu... Còn về ứng dụng excel, công ty dùng để tính lương, thưởng cho cán bộ công nhân viên, tạo hóa đơn bán hàng...

Sơ đồ 2.3 Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo



(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối kỳ
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

2.2 Thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

2.2.1 Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại công ty

2.2.1.1 Đặc điểm nguyên vật liệu tại công ty

Nguyên vật liệu là yếu tố quan trọng không thể thiếu được trong quá trình sản xuất. Nguyên vật liệu mua về có kịp thời đầy đủ hay không cũng ảnh hưởng rất nhiều đến việc thực hiện kế hoạch sản xuất của công ty. Công ty sản xuất đều trong năm, nguyên vật liệu là mặt hàng nông sản thực phẩm sẵn có, dễ thu mua, không cần dự trữ lâu trong kho nên công ty không dự trữ mà chỉ thu mua đủ dùng trong kỳ.

Công ty Tiến Bảo là một công ty có quy mô sản xuất nhỏ, sản phẩm của công ty là sản phẩm thuộc hàng công nghiệp thực phẩm. Sản phẩm chính công ty sản xuất là bánh gạo các loại nên nguyên vật liệu của công ty là ít và khối lượng nguyên vật liệu nhỏ. Nguyên vật liệu của công ty khá đơn giản nên được nhập mua trong nước.

Do đặc điểm sản xuất bánh kẹo là chính nên nguyên vật liệu của công ty chủ yếu là những sản phẩm nông nghiệp nên dễ bị hư hỏng kém phẩm chất do tác động của độ ẩm và khí hậu. Mà chất lượng sản phẩm lại chịu ảnh hưởng rất lớn từ chất lượng nguyên vật liệu. Vì vậy khâu bảo quản nguyên vật liệu là hết sức quan trọng, nó quyết định đến chất lượng sản phẩm từ đó ảnh hưởng đến uy tín và doanh thu tiêu thụ sản phẩm của công ty. Chính vì vậy công ty rất chú trọng đến khâu phân loại, và bảo quản nguyên vật liệu.

2.2.1.2 Phân loại nguyên vật liệu tại công ty

Công ty tiến hành phân loại vật liệu dựa vào nội dung kinh tế, vị trí và vai trò của từng loại nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất sản phẩm. Vật liệu sử dụng ở công ty được phân loại như sau:

Nguyên vật liệu chính: Đây là nguyên vật liệu có ý nghĩa rất quan trọng trong việc tạo ra sản phẩm, nó chiếm khối lượng lớn trong sản phẩm, nguyên vật liệu chính của công ty là gạo tằm, đường tinh luyện.

Nguyên vật liệu phụ: Là những vật liệu có tác dụng phụ trong sản xuất, kết hợp với vật liệu chính để nâng cao chất lượng sản phẩm như dầu ăn, các loại hương liệu, tinh bột khoai tây và các loại phụ gia khác....

Nhiên liệu, năng lượng là những thứ dùng để cung cấp năng lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh như xăng, dầu.

Phụ tùng thay thế: Là các chi tiết phụ tùng để sửa chữa và thay thế cho máy móc thiết bị như aptomat, bánh răng, bánh xích các loại, cầu dao, bu lông, ốc vít...

Phế liệu: gồm các loại vật liệu bị loại ra, bỏ ra trong quá trình sản xuất kinh doanh như bột thừa, bánh vụn, thùng cactong...

Vật liệu khác: Bao gồm các loại vật liệu để đóng gói, vận chuyển như bao bì, túi, thùng cactong.

Việc phân loại này giúp cho doanh nghiệp tổ chức kế toán chi tiết dễ dàng hơn trong việc quản lý hạch toán kế toán nguyên vật liệu, biết được tình hình biến động của từng loại nguyên vật liệu. Ngoài ra còn giúp cho doanh nghiệp nhận biết rõ nội dung kinh tế và vai trò chức năng của từng loại nguyên liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh từ đó đề ra biện pháp thích hợp trong việc tổ chức quản lý và sử dụng có hiệu quả các loại nguyên vật liệu.

2.2.2 Tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại công ty

Từ những đặc điểm và cách phân loại nguyên vật liệu tại công ty, ta thấy vị trí quan trọng của nguyên vật liệu trong việc cấu thành sản phẩm. Kế hoạch sản xuất kinh doanh sẽ bị ảnh hưởng nếu việc cung cấp nguyên vật liệu không đầy đủ kịp thời. Chất lượng của sản phẩm cũng phụ thuộc nhiều vào chất lượng của nguyên vật liệu làm ra nó. Do vậy, để sản xuất được những sản phẩm tốt, thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng cần phải có những nguyên liệu có chất lượng cao đảm bảo đúng quy cách chủng loại. Vì vậy, cần tổ chức quản lý nguyên vật liệu để đảm bảo chất lượng nguyên vật liệu và chất lượng sản phẩm.

Hơn nữa, chi phí nguyên vật liệu chiếm đến 60 – 70% trong giá thành sản xuất sản phẩm. Vì thế nên việc tập trung quản lý nguyên vật liệu một cách chặt chẽ ở tất cả các khâu từ thu mua, bảo quản, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu nhằm hạ thấp chi phí, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu là vấn đề quan trọng mà bất cứ một doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm. Dưới đây là quy trình tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo.

Thu mua nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu của công ty hiện nay hoàn toàn là do mua ngoài. Nguyên liệu chính được doanh nghiệp mua theo sự tính toán của người lãnh đạo và nhân viên kế toán theo dõi lượng nguyên vật liệu còn trong kho không còn nhiều và còn phụ thuộc vào thời điểm và tình hình chung của thị trường, thường thì vào mùa đông thì mặt hàng bánh gạo của công ty sẽ được tiêu thụ tốt hơn các mùa khác. Khi có những đơn đặt hàng đặc biệt thì công ty sẽ đặt mua nguyên vật liệu theo yêu cầu của đơn đặt hàng cho phù hợp. Doanh nghiệp đã ký hợp đồng với các nhà cung cấp nguyên liệu nhiều năm nên tạo được uy tín với các nhà cung cấp, vì vậy nguyên vật liệu luôn được cung cấp đúng thời gian và đúng yêu cầu. Ngoài ra, nguyên vật liệu phụ như dầu ăn, tinh bột khoai tây và các loại phụ gia được công ty tiến hành

mua theo tháng. Nguyên vật liệu khi mua về phải qua kiểm tra của nhân viên mua hàng, phòng kỹ thuật, vật tư và thành lập Ban kiểm kê, sau khi kiểm tra xong thủ kho mới nhập kho nguyên vật liệu.

Dự trữ, bảo quản nguyên vật liệu: Công ty đã đầu tư xây dựng hệ thống kho được trang bị đầy đủ các thiết bị cân đo, thiết bị phòng cháy chữa cháy an toàn, sắp xếp kệ giá phân loại nguyên vật liệu khoa học. Có nhân viên thường xuyên đi kiểm tra kho để tránh tình trạng nguyên vật liệu bị ẩm mốc hay hư hỏng do thời tiết. Công ty luôn dự trữ một khối lượng nguyên vật liệu hợp lý để đảm bảo quá trình sản xuất của công ty không bị ngưng trệ.

Sử dụng nguyên vật liệu: Công ty luôn có sự khuyến khích nhân viên sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu để từ đó giảm chi phí kinh doanh và phần nào tạo thói quen sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả.

2.2.3 Tính giá nguyên vật liệu tại công ty

Tại công ty, các nghiệp vụ nhập, xuất nguyên vật liệu diễn ra thường xuyên, mỗi lần nhập giá cả lại có sự thay đổi, việc xác định đúng trị giá nguyên vật liệu xuất dùng là rất cần thiết. Hiện nay, công ty đang sử dụng giá thực tế để phản ánh tình hình nhập, xuất kho nguyên vật liệu.

Trong phạm vi bài khóa luận, em chọn nguyên vật liệu là **Gạo tấm zemin** làm ví dụ minh họa, và đây cũng là nguyên vật liệu chính được sử dụng nhiều nhất trong công ty, số liệu minh họa được trích từ sổ liệu tháng 09/2013

2.2.3.1 Tính giá nguyên vật liệu nhập kho

Nguyên vật liệu chỉ được mua ngoài nhập kho từ các doanh nghiệp trong nước. Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá thực tế} & & \text{Trị giá mua ghi} & & \text{Chi phí phát} & & \text{Các khoản giảm giá, chiết} \\ \text{NVL nhập kho} & = & \text{trên hoá đơn} & + & \text{sinh khi mua} & - & \text{khấu thương mại (nếu có)} \end{array}$$

Trong đó:

Chi phí phát sinh khi mua: bao gồm chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản, phân loại, bảo hiểm, chi phí thuê kho, thuê bãi.

Trị giá mua trên hóa đơn: doanh nghiệp áp dụng tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và sản xuất kinh doanh mặt hàng chịu thuế GTGT nên không được tính thuế GTGT vào giá thực tế của nguyên vật liệu.

Ví dụ: Ngày 14/09/2013, Công ty nhập mua 1500 kg gạo tấm zemin của công ty TNHH một thành viên Thương mại Đại Phước Tài với đơn giá chưa có thuế là 11.600

đồng/kg. Thuế GTGT 10% theo hóa đơn số 0003852 của công ty TNHH một thành viên Đại Phước Tài. Chi phí vận chuyển, bốc dỡ do bên bán chịu. Tiền hàng đã thanh toán cho nhà cung cấp bằng tiền mặt.

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho như sau:

$$\begin{aligned}\text{Giá thực tế nhập kho} &= 1.500 \text{ kg} \times 11.600 \\ &= 17.400.000 \text{ đồng}\end{aligned}$$

2.2.3.2 *Tính giá nguyên vật liệu xuất kho*

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo sản xuất bánh kẹo nên xuất kho nguyên vật liệu chủ yếu cho hoạt động sản xuất. Công ty đã lựa chọn phương pháp **bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập** để tính giá trị nguyên vật liệu xuất kho vì số lần nhập của nguyên vật liệu ít và phương pháp này vừa chính xác vừa cập nhật. Theo phương pháp này, cứ sau mỗi lần nhập một nguyên vật liệu nào đó, kế toán sẽ tính lại đơn giá bình quân cho nguyên vật liệu xuất.

Ví dụ : Các nghiệp vụ nhập – xuất Gạo tấm zemin tại công ty trong tháng 9.

Bảng 2.1 Các nghiệp vụ nhập xuất gạo tấm zemin trong tháng 9

Tên vật liệu: Gạo tấm zemin

Đơn vị tính: Kg

Ngày tháng	Số chứng từ	Diễn giải	Đơn giá	Số lượng		
				Nhập	Xuất	Tồn
01/09		<i>Tồn đầu kỳ</i>	11.476			593
01/09	PXK117	Xuất kho SX SP			360	233
01/09	PNK63	Nhập mua NVLC	11.600	1.300		1.533
06/09	PXK120	Xuất kho SX SP			440	1.093
06/09	PXK121	Xuất kho cho bộ phận bán hàng			15	1.078
12/09	PXK125	Xuất kho SX SP			530	548
14/09	PNK66	Nhập mua NVLC	11.600	1.500		2.048
17/09	PXK128	Xuất kho SX SP			570	1.478
23/09	PXK131	Xuất kho SX SP			350	1.128
27/09	PXK135	Xuất kho SX SP			250	878

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Theo số liệu trên ta tính giá gạo tấm zemin xuất kho trong tháng 9 được tính theo như sau:

Ngày 01/09, giá thực tế xuất kho của 360 kg gạo tấm zemin là:

$$360 \times 11.476 = 4.131.360 \text{ đồng}$$

Ngày 01/09, đơn giá thực tế của gạo tấm zemin sau khi nhập mua thêm 1300 kg là

$$\frac{(233 \times 11.476) + (1300 \times 11.600)}{233 + 1300} = 11.581 \text{ đồng}$$

Ngày 06/09, giá thực tế xuất kho của 440 kg gạo tấm là:

$$440 \times 11.581 = 5.095.640 \text{ đồng}$$

Ngày 06/09, giá thực tế xuất kho của 15 kg gạo tấm là:

$$15 \times 11.581 = 173.715 \text{ đồng}$$

Ngày 12/09, giá thực tế xuất kho của 530 kg gạo tấm zemin là:

$$530 \times 11.581 = 6.137.930 \text{ đồng}$$

Ngày 14/09, đơn giá thực tế của gạo tấm zemin sau khi nhập mua thêm 1500 kg là

$$\frac{(548 \times 11.581) + (1500 \times 11.600)}{648 + 1500} = 11.595 \text{ đồng}$$

Ngày 17/09, giá thực tế xuất kho của 570 kg gạo tấm zemin là:

$$570 \times 11.595 = 6.609.150 \text{ đồng}$$

Ngày 23/09, giá thực tế xuất kho của 350 kg gạo tấm zemin là:

$$350 \times 11.595 = 4.058.250 \text{ đồng}$$

Ngày 27/09, giá thực tế xuất kho của 250 kg gạo tấm zemin là:

$$250 \times 11.595 = 2.898.750 \text{ đồng}$$

Phương pháp này có ưu điểm giúp kế toán tính giá nguyên vật liệu xuất kho chính xác và cập nhật. Tuy nhiên phương pháp này cũng có nhược điểm, đó là phải tính lại giá của nguyên vật liệu sau mỗi lần nhập nên tốn thời gian và công sức.

2.2.4 Kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Kế toán chi tiết nguyên vật liệu là công tác theo dõi về số lượng và giá trị tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng loại nguyên vật liệu thông qua sự kết hợp giữa thủ kho và phòng kế toán. Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo thực hiện kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Phương pháp này phù hợp đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, nó cung cấp cho kế toán những số liệu về tình hình nhập – xuất – tồn nguyên vật liệu một cách chính xác và kịp thời. Để thực hiện tốt toàn bộ công tác kế toán nguyên vật liệu cũng như công tác hạch toán chi tiết thì trước tiên phải căn cứ vào các chứng từ kế toán phản ánh tất cả các nghiệp vụ liên quan nhập – xuất nguyên vật liệu.

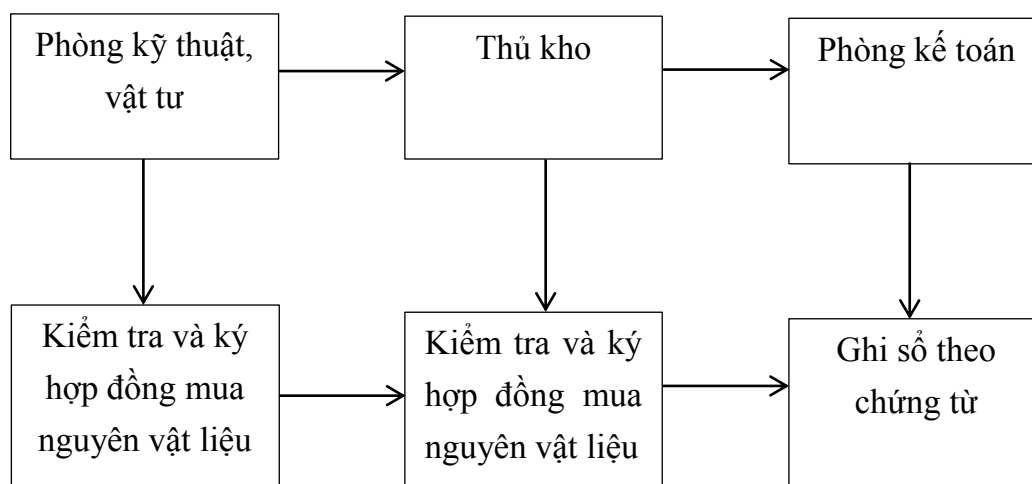
2.2.4.1 Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu của doanh nghiệp đều là do mua ngoài, vì vậy sử dụng các chứng từ sau:

- Hợp đồng mua nguyên vật liệu
- Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu 01 – GTKL – 3LL)
- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)

Quy trình nhập kho nguyên vật liệu:

Sơ đồ 2.4 Quy trình nhập kho nguyên vật liệu



(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Căn cứ vào nhu cầu thu mua nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và dự trữ mà nhân viên phòng kỹ thuật, vật tư tiến hành thu mua trực tiếp hoặc ký hợp đồng với nhà cung cấp để mua những nguyên vật liệu cần thiết. Khi nguyên vật liệu được mua về đến công ty, thủ kho và kế toán trưởng thành lập ban kiểm nghiệm tiến hành kiểm tra đối chiếu với hóa đơn về mặt số lượng, chất lượng và mẫu mã,... rồi ghi lại vào Biên bản kiểm nghiệm vật tư. Nếu nguyên vật liệu đạt tiêu chuẩn thì thủ kho tiến hành lập phiếu nhập kho, nếu không đạt tiêu chuẩn thì báo lại cho nhà cung cấp và lãnh đạo để xử lý, Phiếu nhập kho được lập thành hai liên một liên do thủ kho giữ một liên chuyển lên phòng kế toán để lưu lại.

Bảng 2.2 Hóa đơn giá trị gia tăng mua nguyên vật liệu

HOÁ ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG <i>Liên 2: Giao khách hàng</i> Ngày 14 tháng 09 năm 2013			Mẫu số: 01 GTGT – 3LL Ký hiệu: PT/2013 Số: 0003852		
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Đại Phước Tài Mã số thuế: 15000736304 Địa chỉ: 409 Hộ 4, Ấp Tân Vĩnh Thuận, Vĩnh Long Số tài khoản: Số điện thoại: 0703815397 Mã số:					
Họ và tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội. Hình thức thanh toán: Tiền mặt Mã số thuế: 0105422785					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gạo tám zemin	Kg	1.500	11.600	17.400.000
	/				
Cộng tiền hàng:					17.400.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			1.740.000
Tổng cộng tiền thanh toán					19.140.000
Số tiền viết bằng chữ: Mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn					

Người mua hàng
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Ngày 14 tháng 09 năm 2013
 Thủ trưởng đơn vị
 (Đã ký)
 (Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Bảng 2.3 Biên bản kiểm nghiệm

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Mẫu số 05 – VT

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM

(Vật tư, hàng hóa, sản phẩm)

Ngày 14 tháng 09 năm 2013 Số : 92

Căn cứ quyết định số 01 ngày 14 tháng 09 năm 2013

Ban kiểm nghiệm gồm:

Ông, bà : Trần văn Sơn

Thủ kho

Ông, bà : Tạ Thị Hạnh

Kế toán trưởng

Đã kiểm nghiệm các loại :

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
				Số lượng đúng quy cách phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách phẩm chất	
A	B	C	1	2	3	D
01	Gạo tấm zemin	Kg	1500	1500	0	

Ý kiến của ban kiểm nghiệm: Đủ tiêu chuẩn nhập kho

Thủ kho

(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Bảng 2.4 Phiếu nhập kho

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Mẫu số 01 – VT

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Quyển số: 01

Số : 121

Nợ TK 152

Có TK 111

- Theo biên bản kiểm nghiệm vật tư ngày 14 tháng 09 năm 2013.

- Họ tên người giao hàng: Nguyễn Văn Tuấn.

- Nhập tại kho: Kho công ty.

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách, sản phẩm hàng hóa	Mã số	ĐVT	Số Lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo hóa đơn	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Gạo tằm zemin		Kg	1500	1500	11.600	17.400.000
	Cộng						17.400.000

Tổng số tiền bằng chữ: Mười bảy triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Người nhận
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Người lập phiếu
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Bảng 2.5 Phiếu chi

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Mẫu số 02 – TT

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU CHI

Ngày 14 tháng 09 năm 2013

Quyển số: 01

Số: 162

Nợ TK 152, 133

Có TK 111

Họ tên người nhận tiền: Nguyễn Văn Tuấn.

Địa chỉ: Phòng kỹ thuật, vật tư

Lý do chi: Thanh toán tiền Gạo tấm zemin công ty TNHH một thành viên Đại Phước Tài

Số tiền: 19.140.000 đồng

Bằng chữ: Mười chín triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: HĐ 00003852 (Chứng từ gốc)

Đã nhận đủ số tiền (Viết bằng chữ): Mười hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng chẵn.

Ngày 14 tháng 09 năm 2013.

Giám đốc
(ký, họ tên,
đóng dấu)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, họ tên)

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận tiền
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

2.2.4.2 Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu

Khi xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất, doanh nghiệp sử dụng các chứng từ sau:

- Phiếu xuất kho nguyên vật liệu (Mẫu 02 - VT)
- Giấy đề nghị xuất nguyên vật liệu

Quy trình xuất kho nguyên vật liệu:

Nguyên vật liệu sau khi mua về được sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh trong công ty. Khi có nhu cầu về nguyên vật liệu thì căn cứ vào kế hoạch sản xuất, lệnh sản xuất, phân xưởng sản xuất tính toán số nguyên vật liệu cần thiết và lập Giấy đề nghị xuất vật tư rồi chuyển lên phòng kế toán để xem xét ký duyệt rồi chuyển xuống cho thủ kho.

Căn cứ vào Giấy đề nghị xuất vật tư, thủ kho lập phiếu xuất kho sau đó tiến hành xuất kho nguyên vật liệu. Phiếu xuất kho được lập thành ba liên:

Liên 1: Lưu tại phòng kế toán

Liên 2: Người nhận vật tư giữ để theo dõi ở bộ phận sử dụng.

Liên 3: Lưu tại kho

Bảng 2.6 Giấy đề nghị xuất kho nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Bộ phận: Phân xưởng sản xuất

GIẤY ĐỀ NGHỊ XUẤT KHO NGUYÊN VẬT LIỆU

Ngày 17 tháng 09 năm 2013

Đề nghị: Lĩnh vật tư theo số lượng dưới đây để sản xuất.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng theo yêu cầu
A	B	C	D	1
01	Gạo tám zemin		Kg	570
02	Đường		Kg	45

Ngày 17 tháng 09 năm 2013

Người lập phiếu
(Đã ký)

Phụ trách phân xưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Căn cứ vào giấy xin lĩnh vật tư đã được duyệt, thủ kho lập phiếu xuất kho giao cho người nhận cầm phiếu xuống kho để nhận hàng. Sau khi xuất kho thủ kho ghi số lượng thực xuất của vật liệu, ngày tháng năm xuất kho và cùng người nhận hàng ký tên vào phiếu xuất kho.

Bảng 2.7 Phiếu xuất kho

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiên Bảo

Mẫu số 02 – VT

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 17 tháng 09 năm 2013

Quyển số:01

Số: 193

Nợ TK 621

Có TK 152

Họ và tên người nhận hàng: Phạm Văn Đạt.

Địa chỉ (bộ phận): Phân xưởng sản xuất số 1.

Lý do xuất kho: Sản xuất sản phẩm.

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Gạo tấm zemin		Kg	570	570	11.595	6.609.150
02	Đường		Kg	45	45	16.923	761.535
Cộng tiền hàng							7.370.685

Tổng số tiền bằng chữ: Sáu triệu một trăm chín mươi một nghìn bốn trăm bốn năm đồng.

Ngày 17 tháng 09 năm 2013

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

2.2.4.3 Phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu

Việc quản lý tình hình nhập, xuất, tồn kho nguyên vật liệu được công ty bố trí thực hiện chủ yếu ở phòng kế toán còn ở kho do thủ kho thực hiện, vì vậy công việc hạch toán vẫn được thực hiện độc lập.

Công ty áp dụng phương pháp kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song. Nội dung kế toán chi tiết áp dụng tại công ty như sau:

- Ở kho: Thủ kho mở thẻ kho chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu như gạo tấm zemin, đường, muối.... để ghi chép các nghiệp vụ phát sinh, phản ánh số hiện có và tình hình biến động của nguyên vật liệu trên cơ sở các chứng từ nhập, xuất.

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các chứng từ nhập xuất nguyên vật liệu ghi số lượng thực nhập, thực xuất vào thẻ kho có liên quan. Thủ kho phải thường xuyên đối chiếu sổ tồn trên thẻ kho với số tồn vật liệu thực tế còn ở kho. Hàng ngày hoặc định kỳ, sau khi ghi thẻ kho, thủ kho phải chuyển toàn bộ chứng từ nhập xuất kho về phòng kế toán. Đến cuối tháng, thủ kho tính số tồn về số lượng của từng loại nguyên vật liệu trên thẻ kho và đối chiếu với Sổ chi tiết nguyên vật liệu do kế toán lập.

- Ở phòng kế toán: Mở sổ kế toán chi tiết cho từng loại nguyên vật liệu tương ứng với thẻ kho của từng kho để theo dõi về mặt số lượng và giá trị hàng ngày hoặc định kỳ khi nhận được các chứng từ nhập xuất kho của thủ kho gửi đến kế toán nguyên vật liệu phải kiểm tra từng chứng từ ghi đơn giá và tính thành tiền sau đó ghi vào sổ chi tiết vật liệu có liên quan. Cuối tháng kế toán cộng sổ tính ra tổng số nhập, tổng số xuất và tổng số tồn của từng thứ vật liệu rồi đối chiếu với thẻ kho, lập báo cáo tổng hợp nhập xuất tồn kho về giá trị để đối chiếu với bộ phận kế toán tổng hợp nguyên vật liệu.

Bảng 2.8 Thẻ kho

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Mẫu số 06 – VT

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

THẺ KHO

Ngày lập thẻ: 01/09/2013.

Tờ số 09

Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư: Gạo tấm zemin.

Đơn vị tính: Kg.

Mã số:

S T T	Chứng từ		Diễn giải	Ngày Nhập xuất	Số lượng			Ghi chú
	Ngày tháng	Số hiệu			Nhập	Xuất	Tồn	
A	B	C	D	E	1	2	3	4
			Tồn đầu kỳ				593	
1	01/09	PXK117	Xuất kho SX SP	01/09		360	233	
2	01/09	PNK63	Nhập mua NVLC	01/09	1.300		1.533	
3	06/09	PXK120	Xuất kho SX SP	06/09		440	1.093	
4	06/09	PXK121	Xuất kho cho bộ phận bán hàng	06/09		15	1.078	
5	12/09	PXK125	Xuất kho SX SP	12/09		530	548	
6	14/09	PNK66	Nhập mua NVLC	14/09	1.500		2.048	
7	17/09	PXK128	Xuất kho SX SP	17/09		570	1.478	
8	23/09	PXK131	Xuất kho SX SP	23/09		350	1.128	
9	27/09	PXK135	Xuất kho SX SP	27/09		250	878	
			Cộng phát sinh		2.800	2.415		
			Tồn cuối tháng 06				878	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Bảng 2.9 Sổ chi tiết nguyên vật liệu

Đơn vị: Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

SỔ CHI TIẾT NGUYÊN VẬT LIỆU**Tháng 09 năm 2013**

Tài khoản 152 – Chi tiết 1521

Tên vật liệu: Gạo tấm zemin

Đơn vị tính: Kg

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
NT	SH				Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
		Tồn đầu kỳ		11.476					593	6.805.268	
01/09	PXK117	Xuất kho SX SP	621	11.476			360	4.131.360			
01/09	PNK63	Nhập mua NVLC	331	11.600	1.300	15.080.000					
06/09	PXK120	Xuất kho SX SP	621	11.581			440	5.095.640			
06/09	PXK121	Xuất kho cho BPBH	641	11.581			15	173.715			
12/09	PXK125	Xuất kho SX SP	621	11.581			530	6.137.930			
14/09	PNK66	Nhập mua NVLC	111	11.600	1.500	17.400.000					
17/09	PXK128	Xuất kho SX SP	621	11.595			570	6.609.150			
24/09	PXK131	Xuất kho SX SP	621	11.595			350	4.058.250			
28/09	PXK135	Xuất kho SX SP	621	11.595			250	2.898.750			
		Cộng phát sinh			2.800	32.480.000	2.415	29.104.795			
		Tồn cuối tháng							878	10.180.410	

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Kế toán chi tiết**Kế toán trưởng**

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

2.2.5 Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu

Cũng như kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là phần hành kế toán không thể thiếu được trong công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty.

Dựa trên những quy định chung của Bộ tài chính và căn cứ vào những đặc điểm cơ bản của Công ty về sản xuất cũng như để thuận tiện cho công việc thực hiện và kiểm tra, kế toán vật liệu áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên trong việc hạch toán hàng tồn kho.

2.2.5.1 Tài khoản sử dụng.

Công ty sử dụng các tài khoản sau để hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu:

- TK 152 “Nguyên vật liệu”: Tài khoản này phản ánh giá trị nguyên vật liệu hiện có và sự biến động của các nguyên vật liệu của công ty. Tài khoản này được công ty mở thành 2 tài khoản cấp 2:
 - + TK 1521: Nguyên vật liệu chính
 - + TK 1522: Nguyên vật liệu phụ
- TK 133 “Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ”: Tài khoản này phản ánh số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, đã khấu trừ và còn được khấu trừ của công ty.
- TK 331 “Phải trả người bán” : Tài khoản này phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của công ty cho người bán vật tư theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.
- TK 311 “Vay ngắn hạn” : Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản vay ngắn hạn và tình hình trả nợ vay của công ty.
- TK 111 “Tiền mặt”: Tài khoản này phản ánh tình hình thu, chi, tồn quỹ tại quỹ của công ty.
- TK112 “Tiền gửi ngân hàng” : Tài khoản này dùng để phản ánh số hiện có và tình hình biến động của các khoản tiền gửi của công ty tại ngân hàng.
- Ngoài ra kế toán nguyên vật liệu ở công ty còn sử dụng một số tài khoản khác như: TK 141, TK 621, TK 627, TK 641, TK 642...

2.2.5.2 Kế toán nghiệp vụ nhập nguyên vật liệu

Hiện nay, kế toán tổng hợp nhập nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo gắn liền với kế toán tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, kế toán thanh toán với người bán... Tùy theo từng nguồn nhập và hình thức thanh toán mà việc tổng hợp nhập nguyên liệu được thực hiện theo các cách khác nhau.

Trường hợp nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho, thanh toán ngay cho người bán bằng tiền mặt hoặc tiền gửi ngân hàng.

Đối với các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến tiền mặt hay tiền gửi ngân hàng cần phải có các chứng từ hợp lý, hợp pháp. Khi có nghiệp vụ nhập mua nguyên vật liệu thanh toán ngay cho người bán bằng tiền mặt, tiền gửi ngân hàng phát sinh, kế

toán phải căn cứ vào các chứng từ như Phiếu chi tiền mặt, Hóa đơn GTGT, Phiếu nhập kho,... để tiến hành ghi vào Sổ nhật ký chung, Sổ cái...

Ví dụ: Căn cứ hóa đơn GTGT 0003852 ngày 14/09/2013, thanh toán bằng tiền mặt, Phiếu chi tiền mặt, Phiếu nhập kho số 66 về việc mua gạo tấm zemin của công ty TNHH một thành viên thương mại Đại Phước Tài, tổng giá chưa thuế GTGT 10% của lô hàng là 17.400.000 đồng kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1521	17.400.000
Nợ TK 133	1.740.000
Có TK 111	19.140.000

Trường hợp nguyên vật liệu mua ngoài nhập kho, nhưng chưa thanh toán cho người bán.

Đối với trường hợp này. Khi nhận được chứng từ như Hóa đơn GTGT của người bán, Biên bản kiểm nghiệm, Phiếu nhập kho và sau khi kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp của các chứng từ, kế toán thanh toán thực hiện việc nhập số liệu vào máy. Kế toán thanh toán sử dụng Sổ chi tiết thanh toán với người bán để theo dõi tình hình thanh toán.

Sổ chi tiết thanh toán với người bán dùng để theo dõi các khoản công nợ phải trả cho từng người bán cũng như tình hình thanh toán nợ với từng người. Với những nhà cung cấp thường xuyên thì mỗi nhà cung cấp được công ty theo dõi riêng, còn với những nhà cung cấp không thường xuyên thì công ty theo dõi chung.

Cơ sở để ghi sổ chi tiết thanh toán với người bán là hóa đơn mua hàng, các chứng từ thanh toán như Phiếu chi, giấy báo nợ ngân hàng... Các khoản phải trả người bán được phản ánh bên Có, còn các khoản thanh toán hoặc ứng tiền trước cho người bán được phản ánh bên nợ. Cuối tháng, kế toán viên tiến hành cộng sổ, tính ra số phát sinh và số dư cuối kỳ phải trả cho từng người bán, từ đó lập bảng tổng hợp chi tiết công nợ.

Ví dụ : Căn cứ vào hóa đơn số 0003758, Phiếu nhập kho số 63 ngày 20/06/2013 về việc mua Gạo tấm zemin của công ty TNHH một thành viên thương mại Đại Phước Tài, với giá chưa thuế là 15.080.000 đồng, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 1521	15.080.000
Nợ TK133	1.508.000
Có TK 331	16.588.000

Trường hợp hàng mua đang đi đường

Đối với nghiệp vụ phát sinh liên quan tới hàng mua đang đi đường là do công ty đã chấp nhận mua hàng nhưng đến cuối kỳ hàng vẫn chưa về đến kho nhưng đã nhận được hóa đơn, kế toán căn cứ vào hóa đơn mua hàng để tiến hành ghi sổ.

Ví dụ: Ngày 29/09 công ty mua 1500kg gạo tấm zemin của công ty TNHH một thành viên Thương mại Đại Phước Tài, trong ngày công ty đã nhận được hóa đơn

GTGT số 0003398, với đơn giá chưa thuế là 17.400.000 đồng. Nhưng trong ngày số lượng hàng trên vẫn chưa về đến công ty, kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 151	17.400.000
Nợ TK 133	1.740.000
Có TK 331	19.140.000

2.2.5.3 Kế toán nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu.

Công tác quản lý vật liệu không chỉ dừng lại ở việc quản lý nguồn nhập vật liệu mà còn phải quản lý cả việc sử dụng vật liệu trong khâu sử dụng vật liệu thông qua công cụ kế toán. Đây là khâu quản lý cuối cùng của kế toán nguyên vật liệu, nó đóng một vai trò quan trọng trước khi vật liệu thực hiện bước chuyển dịch giá trị vào giá trị sản phẩm. Giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho sản xuất được coi là một trong những yếu tố cấu thành nên chi phí sản xuất và tính vào giá thành sản phẩm.

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo áp dụng tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập để tính giá nguyên vật liệu xuất kho. Theo phương pháp này thì giá xuất kho của nguyên vật liệu sẽ được phản ánh chính xác cập nhật và quá trình hạch toán tổng hợp xuất nguyên vật liệu được diễn ra thường xuyên. Nguyên vật liệu tại công ty được xuất kho chủ yếu dùng cho sản xuất sản phẩm, ít khi phát sinh nghiệp vụ xuất kho phục vụ bán hàng và quản lý doanh nghiệp. Khi nghiệp vụ phát sinh, kế toán tiến hành ghi sổ và theo dõi trên sổ Nhật lý chung.

Đối với nguyên vật liệu xuất kho dùng cho sản xuất sản phẩm

Đối với các nghiệp vụ liên quan đến xuất nguyên vật liệu cho sản xuất, kế toán căn cứ vào Giấy đề nghị xuất kho, phiếu xuất kho để tiến hành định khoản và ghi vào sổ Nhật ký chung các nghiệp vụ xuất nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.

Ví dụ: Căn cứ Phiếu xuất kho số 128 ngày 17/09/2013 về việc xuất kho nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất sản phẩm, theo tổng giá trị xuất kho là 6.609.150 đồng kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 621	2.283.200
Có TK 1521	2.283.200

Đối với nguyên vật liệu xuất kho dùng cho bộ phận bán hàng, quản lý doanh nghiệp.

Các nguyên vật liệu dùng cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp, khi các bộ phận này có nhu cầu về nguyên vật liệu thì sẽ viết Giấy đề nghị xuất vật tư để phó giám đốc xem xét, ký duyệt, sau đó chuyển xuống phòng kế toán để viết Lệnh xuất kho. Căn cứ vào đó thủ kho tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

Ví dụ: Ngày 06/09 xuất kho 15kg gạo tấm zemin cho bộ phận bán hàng nhằm mục đích giới thiệu chất lượng nguyên vật liệu đầu vào cũng như chất lượng sản phẩm,

cho khách hàng mới. Căn cứ phiếu xuất kho số 121, ngày 06/09 kế toán định khoản như sau:

Nợ TK 641	173.715
Có TK 1521	173.715

Bảng 2.10 Sổ chi tiết thanh toán với người bán

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI BÁN

Tháng 09 năm 2013 - Tài khoản: 3311

Đối tượng: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Đại Phước Tài

Loại tiền: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Thời hạn được chiết khấu	Số phát sinh		Số dư	
	Số hiệu	Ngày tháng				Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ						13.500.000
01/09	HĐ0003758	01/09	Nhập mua NVLC	1521		15.080.000			
			Thuế GTGT	133		1.508.000			
10/09	PC155	10/09	Thanh toán tiền hàng	111			20.000.00		
17/09	HĐ0003852	17/09	Nhập mua NVLC	1521		17.400.000			
			Thuế GTGT	133		1.740.000			
17/09	PC162	17/09	Thanh toán tiền hàng	111			19.140.000		
29/09	HĐ0003398	29/09	Nhập mua NVLC	151		17.400.000			
			Thuế GTGT	133		1.740.000			
			Cộng phát sinh			54.868.0000	39.140.000		
			Số dư cuối kỳ						29.228.000

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

2.2.6 Công tác kiểm kê đánh giá nguyên vật liệu

Chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm. Vì vậy, để góp phần quản lý tốt vật liệu cả về số lượng và chất lượng, ngăn ngừa và phát hiện những hiện tượng tham ô, lãng phí. Vào cuối mỗi quý Công ty tiến hành kiểm kê vật tư theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 26/03/2006 của Bộ Tài chính.

Kiểm kê là một trong những biện pháp để quản lý nguyên vật liệu và tài sản. Thông qua kiểm kê, công ty biết được hiện trạng của nguyên vật liệu cả về số lượng và chất lượng nhằm ngăn ngừa và phát hiện những hiện tượng tham ô, lãng phí và có biện pháp quản lý tốt hơn đảm bảo an toàn nguyên vật liệu và tài sản của công ty, nhằm nâng cao tính trách nhiệm của các cán bộ công nhân viên trong Công ty.

Định kỳ hàng tháng công ty tiến hành kiểm kê kho để phát hiện và xử lý kịp thời sự chênh lệch giữa số tồn thực tế và số tồn trên sổ sách. Trước khi kiểm kê công ty thành lập Ban kiểm kê với đầy đủ các thành phần theo quy định gồm nhân viên phòng kỹ thuật, vật tư, thủ kho và kế toán. Khi tiến hành kiểm kê Ban kiểm kê phải tiến hành cân, đo, đóng, đếm cụ thể với từng nguyên vật liệu bằng các dụng cụ và phương pháp thích hợp nhằm xác định số lượng tồn kho của từng nguyên vật liệu. Sau khi kết thúc quá trình kiểm kê, trưởng ban kiểm kê lập Biên bản kiểm kê theo mẫu quy định xác định chênh lệch thừa hoặc thiếu so với sổ sách và tìm nguyên nhân dẫn đến sự chênh lệch đó.

Nếu kiểm kê thấy số lượng thực tế chênh lệch với số lượng trên sổ sách thì kế toán phải kiểm tra lại sổ sách xem có nhầm lẫn trong quá trình ghi sổ sách không. Nếu chênh lệch là do ghi nhầm thì kế toán điều chỉnh lại cho phù hợp với số hiện có của nguyên vật liệu theo các phương pháp chữa sổ đã được quy định. Nếu chênh lệch đó là do những nguyên nhân khác thì phải xác định rõ nguyên nhân và xử lý theo quy định. Kế toán căn cứ vào Biên bản kiểm kê để hạch toán kết quả kiểm kê.

Trường hợp kiểm kê phát hiện thiếu

Ví dụ: Cuối tháng 09/2013, công ty tiến hành kiểm kê kho phát hiện thiếu 8 kg đường, đơn giá 11.595 đồng, chưa tìm ra nguyên nhân kế toán ghi:

Nợ TK 1381

92.760

Có TK 1521

92.760

Trường hợp kiểm kê phát hiện thừa

Nếu khi kiểm kê phát hiện thừa nguyên vật liệu công ty ghi nhận theo quy định Nợ TK152/Có TK3381, sau đó tùy vào nguyên nhân cụ thể ghi nhận cụ thể để xử lý, ghi sổ. Trong tháng 09/2013 công ty không có trường hợp kiểm kê phát hiện thừa.

Bảng 2.11 Biên bản kiểm kê vật tư, hàng hóa, sản phẩm

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Mẫu số 08 – VT

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

QĐ số 15- TC/QĐ/CĐKT

Ngày 20/03/2006 của bộ trưởng BTC

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ, HÀNG HÓA, SẢN PHẨM

Thời điểm kiểm kê: Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Ban kiểm kê gồm: Ông, bà: Trần văn Sơn

Trưởng ban

Ông, bà: Tạ Thị Hạnh

Ủy viên

Ông, bà: Nguyễn Hoàng Việt

Ủy viên

Đã kiểm kê những nguyên vật liệu dưới đây

S T T	Tên nhãn hiệu, quy cách vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch				Chất lượng		
					SL	TT	SL	TT	Thừa		Thiếu		Còn tốt 100%	Kém phẩm chất	Mất phẩm chất
									SL	TT	SL	TT			
1	Gạo tấm zemin		Kg	11.595	878	10.180.410	870	10.087.650	0	0	8	92.760			
2	Gạo tấm mài		Kg	12.080	160	1.932.800	160	1.932.800	0	0	0	0			
3	Đường		Kg	16.965	356	6.039.540	356	6.039.540	0	0	0	0			
	Tổng cộng					18.152.750		18.059.990				92.760			

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Bảng 2.12 Sổ nhật ký chung

Công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo

Địa chỉ: Xóm Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
			Trang trước chuyển sang			xxx	xxx
			...				
01/9	PXK117	01/9	Xuất kho NVLC SX SP	x	621	4.131.360	
				x	1521		4.131.360
			...				
01/9	PNK63	01/9	Nhập mua NVLC	x	1521	15.080.000	
				x	133	1.508.000	
				x	331		16.588.000
			...				
06/9	PXK120	01/9	Xuất kho NVLC SX SP	x	621	5.095.640	
				x	1521		5.095.640
			...				
06/9	PXK121	06/9	Xuất kho NVLC cho	x	641	173.715	
			BPBH	x	1521		173.715
			...				
12/9	PXK125	12/9	Xuất kho NVLC SX SP	x	621	6.137.930	
				x	1521		6.137.930
			...				
14/9	PNK66	14/9	Nhập mua NVLC	x	1521	17.400.000	
				x	133	1.740.000	
				x	111		19.140.000

						
17/9	PXK128	18/9	Xuất kho SX SP	x	621	6.609.150	
				x	1521		6.609.150
			...				
			Xuất kho SX SP	x	621	4.058.250	
				x	1521		4.058.250
			...				
			Xuất kho SX SP	x	621	2.898.750	
				x	1521		2.898.750
			...				
30/09	BBKK	30/9	Kiểm kê phát hiện thiếu	x	1381	92.760	
			8 kg gạo tấm zemin	x	1521		92.760

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Bảng 2.13 Sổ cái tài khoản**SỔ CÁI TÀI KHOẢN 152**

Tháng 09 năm 2013

TK 152 – Nguyên vật liệu

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		6.805.268	
01/9	PXK117	01/9	Xuất kho SX SP	621		4.131.360
			...			
01/9	PNK63	01/9	Nhập mua NVLC	331	15.080.000	
			...			
06/9	PXK120	06/9	Xuất kho SX SP	621		5.095.640
			...			
06/9	PXK121	06/9	Xuất kho cho BPBH	641		5.095.640
			...			
12/9	PXK125	12/9	Xuất kho SX SP	621		6.137.930
			...			
14/9	PNK66	14/9	Nhập mua NVLC	111	17.400.000	
			...			
17/9	PXK128	17/9	Xuất kho SX SP	621		6.609.150
			...			
24/9	PXK131	24/9	Xuất kho SX SP	621		4.058.250
			...			
28/9	PXK135	28/9	Xuất kho SX SP	621		2.898.750
			...			

30/9	BBKK	30/9	Kiểm kê phát hiện thiếu	1381		92.760
			Cộng phát sinh		32.480.000	29.012.035
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 30 tháng 09 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM TIẾN BẢO

Trong chương 2 của bài khóa luận em đã trình bày về thực trạng công tác kế toán tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo. Qua đó chúng ta thấy được cả những mặt tốt và những mặt còn tồn tại trong việc hạch toán kế toán nguyên vật liệu của công ty. Nội dung chủ yếu trong chương 3 là một vài ý kiến nhận xét chung về tổ chức bộ máy quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh, đánh giá về tình hình thực hiện công tác hạch toán kế toán và một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo.

3.1 Đánh giá về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Thành lập từ năm 2009 đến nay công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo vẫn còn là một công ty khá non trẻ. Trong quá trình đó công ty đã gặp phải khá nhiều khó khăn, thách thức trong công cuộc xây dựng công ty và gia nhập thị trường. Gia nhập sau và là một doanh nghiệp nhỏ nhưng công ty đã cố gắng và chiếm lĩnh được phần thị trường của riêng mình. Sản phẩm của công được người tiêu dùng đánh giá là sản phẩm chất lượng tốt giá cả hợp lý. Để đạt được những thành tựu đó phải kể đến công sức lao động của cán bộ công nhân viên toàn công ty nói chung và đặc biệt là phòng kế toán nói riêng.

Để tồn tại và phát triển hơn nữa công ty cần phải quan tâm đẩy mạnh sản xuất, chú trọng đến chất lượng sản phẩm để nâng cao uy tín trên thị trường. Bên cạnh đó, công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng đã không ngừng được củng cố và hoàn thiện. Bộ máy kế toán của công ty khá gọn nhẹ, phù hợp với đặc điểm và quy mô hoạt động của công ty.

Nhận thức được vai trò quan trọng của việc hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu, công ty luôn cố gắng tìm ra những biện pháp phù hợp và có tính thực tiễn cao. Tuy nhiên trong quá trình hoàn thiện của các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo nói riêng không thể tránh khỏi những hạn chế.

Qua thời gian thực tập tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo, em đã được tiếp cận thực tế với công tác quản lý, với công tác kế toán và được sự quan tâm tận tình của mọi người trong phòng tài chính kế toán của công ty đã giúp em có điều kiện tốt để làm quen và nghiên cứu thực tế. Dưới góc độ của một sinh viên thực tập trên cơ sở những kiến thức đã học và vận dụng kiến thức thực tế tại công ty, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét về công tác quản lý, công tác kế toán nói chung và công tác nguyên vật liệu tại công ty nói riêng.

3.1.1 Ưu điểm

Về bộ máy tổ chức quản lý: Công ty tổ chức bộ máy quản lý tập trung đứng đầu là giám đốc sau đó là phó giám đốc và dưới phó giám đốc là các phòng ban chức năng. Vì công ty là một doanh nghiệp nhỏ nên hình thức tổ chức trên là phù hợp. Phó giám đốc hỗ trợ giám đốc giám sát chung, các phòng ban được bố trí hợp ý để thực hiện đúng chức năng của mình.

Về tổ chức công tác kế toán: Tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo tổ chức bộ máy kế toán theo hình thức tập trung, phù hợp với quy mô, đặc điểm sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý tài chính của công ty, phù hợp với trình độ và khả năng của từng cán bộ kế toán, để từ đó phát huy hết khả năng của kế toán viên và họ sẽ hoàn thành công việc một cách tốt nhất. Đội ngũ nhân viên kế toán đều có trình độ chuyên môn, am hiểu về đặc điểm sản xuất kinh doanh của công ty và có tinh thần trách nhiệm cao. Các phần hành kế toán được kế toán viên đảm nhiệm, thực hiện chặt chẽ và thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu.

Về hệ thống tài khoản, sổ sách, chứng từ

Nhìn chung, hệ thống chứng từ sổ sách sử dụng tại công ty phù hợp với mẫu theo quy định của Bộ Tài chính ban hành. Công ty sử dụng đầy đủ các chứng từ sổ sách liên quan để thực hiện tốt các thủ tục nhập, xuất kho vì vậy đã quản lý tương đối tốt tình hình nguyên vật liệu. Hệ thống sổ được ghi chép rõ ràng và đầy đủ, quá trình luân chuyển chứng từ được kiểm soát khá chặt chẽ, giúp cho kế toán trưởng và theo dõi sát sao các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Công ty sử dụng hệ thống tài khoản theo quyết định số 15/2006 ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính. Công ty đã thực hiện việc hạch toán đúng với nguyên tắc hạch toán của các tài khoản theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

Hình thức kế toán mà công ty áp dụng là hình thức nhật ký chung, công ty là một doanh nghiệp nhỏ, các nghiệp vụ phát sinh đơn giản nên hình thức nhật ký chung là khá phù hợp.

Về công tác kế toán nguyên vật liệu

Trong công tác quản lý nguyên vật liệu công ty đã có nhiều chú trọng từ khâu thu mua, dự trữ, bảo quản và sử dụng.

Đối với công tác thu mua: công ty có cán bộ thu mua tương đối linh hoạt, am hiểu về chất lượng và giá cả thị trường nên việc thu mua nguyên vật liệu tương đối ổn định. Bên cạnh đó công ty thường xuyên ký hợp đồng với các nhà cung cấp có mặt hàng tốt, chất lượng cao, giá cả phù hợp, luôn đảm bảo đúng, đủ về số lượng cũng như quy cách phẩm chất của nguyên vật liệu, giao hàng đúng hạn và kịp thời để công ty có thể sử dụng cho nhu cầu sản xuất sản phẩm được tiến hành liên tục.

Đối với công tác dự trữ bảo quản: Công ty có hệ thống kho được tổ chức một cách khoa học bảo đảm hợp lý theo tính năng công dụng cũng như yêu cầu bảo quản của từng loại nguyên vật liệu, phù hợp với tính chất lý hóa của từng loại vật tư. Ngoài ra nhân viên quản lý kho có tinh thần trách nhiệm cũng như trình độ chuyên môn tốt nên việc quản lý nguyên vật liệu được thực hiện khá nề nếp, bảo đảm vật tư được quản lý chặt chẽ, tránh được tình hình thất thoát vật tư gây thiệt hại cho công ty.

Đối với công tác sử dụng nguyên vật liệu: Công ty luôn có sự khuyến khích nhân viên sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu để từ đó giảm chi phí kinh doanh và phần nào tạo thói quen sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả.

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên, với phương pháp này thì nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ và theo dõi kịp thời. Không chỉ theo dõi số tồn mà còn theo dõi tình hình biến động tăng giảm của vật tư nhằm cung cấp thông tin một cách thường xuyên và kịp thời. Vì vậy, tại bất kỳ thời điểm nào Ban lãnh đạo công ty cũng có được những thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo yêu cầu của mình về tình hình nguyên vật liệu.

Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu: Công ty hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song, phương pháp này phù hợp với đặc điểm kinh doanh của công ty có ưu điểm đơn giản trong khâu ghi chép, đối chiếu số liệu và phát hiện sai sót, đồng thời cung cấp thông tin nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu kịp thời, chính xác.

Phân loại nguyên vật liệu: Nguyên vật liệu được công ty phân loại hợp lý, dựa trên nội dung kinh tế, vai trò và tác dụng của từng loại nguyên vật liệu đối với quá trình sản xuất kinh doanh. Việc này đã tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và kế toán nguyên vật liệu.

3.1.2 Tồn tại

Bên cạnh những mặt tích cực nêu trên, em nhận thấy công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo vẫn còn một số những nhược điểm cần khắc phục như sau:

Thứ nhất là về thu hồi phế liệu nhập kho

Về phế liệu của công ty khi thu hồi chỉ được để vào kho chứ không được làm thủ tục nhập kho và không được kế toán ghi vào sổ điều này sẽ dễ dẫn đến tình trạng mất mát, hao hụt phế liệu làm thất thoát nguồn thu của công ty.

Thứ hai là về hệ thống danh điểm nguyên vật liệu

Công ty chưa xây dựng được hệ thống danh điểm nguyên vật liệu. Việc quản lý các loại nguyên vật liệu chỉ bằng tên gọi chứ chưa được quản lý theo mã. Do vậy,

trong công tác kế toán sẽ gặp nhiều khó khăn khi quản lý, hạch toán các vật tư không được sử dụng thường xuyên.

Thứ ba là về dự trữ nguyên vật liệu

Khối lượng nguyên vật liệu mà công ty sử dụng mỗi khi vào thời vụ là khá lớn, phong phú và đa dạng về chủng loại. Nhưng do công ty thiếu sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận sản xuất và bộ phận kế toán nên công ty đã không xây dựng được cụ thể, chi tiết định mức tồn kho nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm tới từng phân xưởng vì vậy có thể gây lãng phí do dự trữ vật tư trên mức cần thiết, hay dự trữ ít quá không đáp ứng nhu cầu sản xuất của công ty trong mùa cao điểm. Và chính việc không lập định mức tồn kho khiến công tác quản lý cũng kém hiệu quả.

Thứ tư là về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát với giá trị thị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ thì lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho là công tác mà các công ty không thể bỏ qua. Nhưng công ty THHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo lại không thực hiện việc này. Điều này ảnh hưởng khá nhiều đến giá thành sản xuất đặc biệt là trong thời kỳ lạm phát, sẽ làm giá thành sản xuất bị tăng đột ngột.

Thứ năm là về bảng tổng hợp nhập xuất tồn

Để công tác kế toán nguyên vật liệu được thuận lợi và dễ dàng thì bảng tổng hợp nhập xuất tồn là không thể thiếu. Tuy vậy kế toán của công ty vẫn chưa sử dụng bảng tổng hợp nhập xuất tồn, điều này làm cho kế toán viên và lãnh đạo công ty khó nắm bắt được cụ thể tình hình biến động nguyên vật liệu của tháng, từ đó sẽ ảnh hưởng đến công tác quản lý và thu mua nguyên vật liệu.

Thứ sáu là về xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu

Là một doanh nghiệp sản xuất nhưng công ty vẫn chưa xây dựng được định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho các loại sản phẩm. Do sự thiếu kết hợp giữa bộ phận kế toán và bộ phận sản xuất nên công ty không xây dựng được chi tiết định mức vật tư cho từng loại sản phẩm tới từng phân xưởng. Hàng tháng công ty chỉ quy định số lượng sản phẩm sản xuất trong tháng, tổng số lượng của nguyên vật liệu cho số sản phẩm đó. Do đó, việc sử dụng nguyên vật liệu thường bị lãng phí, làm cho chi phí sản xuất tăng. Chính việc không lập định mức đã khiến cho công tác quản lý nguyên vật liệu kém hiệu quả, thường gây ra những mất mát hao hụt trong quá trình sản xuất.

3.2 Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty

Các thông tin kế toán là thông tin rất quan trọng và cần thiết cho công tác quản lý hiện nay, nhất là trong nền kinh tế thị trường ở nước ta. Trong điều kiện cạnh tranh để tìm chỗ đứng trên thị trường, các doanh nghiệp cần phải có thông tin thật chính xác

về tình hình tài chính của mình để có thể đề ra những biện pháp thích hợp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình. Do đó đòi hỏi kế toán trong doanh nghiệp nói chung và về kế toán nguyên vật liệu nói riêng cần phải hoàn thiện để đáp ứng mọi nhu cầu cao trong quản lý.

Qua những tìm hiểu trên đây về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiên Bảo đã cho ta thấy những ưu điểm và nhược điểm trong việc tổ chức hạch toán kế toán phần hành này. Để nâng cao chất lượng và nhằm hoàn thiện hơn trong công tác kế toán nguyên vật liệu em xin được đề xuất một số ý kiến sau:

Ý kiến thứ nhất: Về thu hồi phế liệu nhập kho

Công ty sản xuất bánh kẹo nên phế liệu có thể thu hồi để thanh lý được chỉ có bánh vụn và thùng các tông. Khi phế liệu được thu hồi, hiện công ty chỉ nhập kho nhưng không tiến hành ghi sổ để theo dõi. Khi thanh lý nguyên vật liệu được ghi vào tài khoản thu nhập khác. Như vậy, nó sẽ làm tăng chi phí sản xuất do toàn bộ nguyên vật liệu xuất ra được tính hết vào chi phí sản xuất.

Theo em công ty nên mở thêm tài khoản 1523 để theo dõi phế liệu thu hồi nhập kho để nắm rõ hơn tình hình sản xuất của công ty về số lượng nguyên vật liệu sử dụng cho sản phẩm, số lượng phế liệu thu hồi nhiều hay ít. Từ đó công tác quản lý nguyên vật liệu của công ty sẽ được chặt chẽ hơn, tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

Công ty có thể định khoản như sau:

Khi nhập kho phế liệu, kế toán ghi:

Nợ TK 1523 – Phế liệu thu hồi

Có TK 154 - Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Khi xuất kho bán phế liệu, kế toán ghi:

Nợ TK 811 - Trị giá phế liệu xuất kho

Có TK 1523 – Phế liệu thu hồi

Khi bán phế liệu thu hồi, kế toán ghi:

Nợ TK 111 – Giá trị phế liệu thu hồi

Có TK 711 – doanh thu khác

Ý kiến thứ hai: Về hệ thống danh điểm nguyên vật liệu

Lượng nguyên vật liệu của công ty có tính năng sử dụng khác nhau, do đó công tác quản lý gặp rất nhiều khó khăn. Thêm vào đó, công ty lại không sử dụng sổ danh điểm nguyên vật liệu nên khó khăn này càng tăng thêm. Các nguyên vật liệu của Công ty được quản lý theo mã vật tư mà không dựa vào đặc điểm của vật tư nên rất khó nhận biết, đặc biệt là những vật tư ít được nhắc đến thì khi nhìn mã vật tư sẽ không hiểu được là vật tư gì và tính năng như thế nào.

Để có thể phục vụ tốt hơn cho yêu cầu quản lý tránh nhầm lẫn trong việc đối chiếu giữa thủ kho và kế toán về tình hình nhập - xuất - tồn kho nguyên vật liệu công ty nên xây dựng sổ danh điểm nguyên vật liệu. Sổ danh điểm này sẽ thống nhất tên gọi, mã hiệu, quy cách phẩm chất, đơn vị tính.... cho tất cả các bộ phận sử dụng, tạo điều kiện thuận lợi cho quản lý và hạch toán, tránh nhầm lẫn nâng cao hiệu quả làm việc. Sổ danh điểm được lập và sử dụng ở Phòng kế toán, Kho và các phân xưởng. Sổ này phải thường xuyên được cập nhật khi có các loại nguyên vật liệu mới, đồng thời các bộ phận sử dụng phải đối chiếu với nhau để đảm bảo tính thống nhất.

Bảng 3.1 Sổ danh điểm nguyên vật liệu

Sổ danh điểm nguyên vật liệu
Loại: Nguyên vật liệu chính Ký hiệu :1521

Ký hiệu		Tên, nhãn hiệu, quy cách NVL	Đơn vị tính	Đơn giá	Ghi chú
Nhóm	Danh điểm NVL				
1521.01		Gạo tằm			
	1521.01.01	Gạo tằm zemin	Kg	11.595	
	1521.01.02	Gạo tằm mài	Kg	11.755	
1521.02		Đường tinh luyện			
	1521.02.01	Đường tinh luyện	Kg	16.965	
.....					

Ý kiến thứ ba: Về dự trữ nguyên vật liệu

Công ty đã không xây dựng được cụ thể, chi tiết định mức tồn kho nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm tới từng phân xưởng vì vậy có thể gây lãng phí do dự trữ vật tư trên mức cần thiết, hay dự trữ ít quá không đáp ứng nhu cầu sản xuất của công ty trong mùa cao điểm. Vấn đề tồn tại này cần công ty phải dự đoán trước phần nào lượng có thể bán ra để nhập mua số lượng nguyên vật liệu hợp lý nhất. Nhưng giải pháp này đòi hỏi trình độ và khả năng phán đoán thị trường của người lãnh đạo phải cao, nhạy bén với thị trường và cần nhận biết nhu cầu thị trường. Do công ty sản xuất theo thời vụ, vào các dịp Tết Trung Thu, tết nguyên đán nên việc nhập xuất vật liệu

trong thời điểm này thường diễn ra với khối lượng lớn. Xây dựng định mức dự trữ nguyên vật liệu cho từng tháng theo từng loại nguyên vật liệu để thuận lợi cho công tác thu mua, dựa vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của từng thời điểm để lập định mức dự trữ tối ưu cho từng thời điểm. Tránh tình trạng ứ đọng nguyên vật liệu quá nhiều vì nguyên vật liệu của công ty đa phần là sản phẩm nông nghiệp nên dễ hư hỏng.

Ngoài ra phòng kế toán cần thường xuyên thu thập thông tin, nhạy bén với sự thay đổi của giá cả thị trường để có quyết định hợp lý điều chỉnh vật tư dự trữ. Loại nguyên liệu nào phụ thuộc vào mùa vụ như gạo tằm thì có kế hoạch dự trữ nhiều hơn, thời gian gói đầu nhiều hơn. Các loại nguyên vật liệu mua trong nước giá cả ổn định như dầu ăn, đường, muối thì dự trữ ít hơn. Các loại nguyên vật liệu dễ hư hỏng kém phẩm chất, thời gian sử dụng ngắn hơn thì tiến hành thu mua thường xuyên với số lượng ít.

Ý kiến thứ tư: Về lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Để đảm bảo nguyên tắc “thận trọng” trong kế toán, tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh giá trị nguyên vật liệu tồn kho sát với giá thị trường tại thời điểm nhất định, đồng thời góp phần phản ánh kết quả kinh doanh trong kỳ chính xác hơn thì công ty cần lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Theo chế độ kế toán hiện hành, vào cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Phương pháp hạch toán kế toán một số nghiệp vụ kinh tế chủ yếu :

Cuối kỳ kế toán, khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, kế toán ghi sổ:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối kỳ kế toán tiếp theo:

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn kế toán ghi:

Nợ TK 632 – Giá vốn hàng bán

Có TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán này nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn kế toán ghi:

Nợ TK 159 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK 632 – Giá vốn hàng bán

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho sẽ giúp việc hạch toán vật tư tại công ty đảm bảo độ chính xác và thông qua việc trích lập dự phòng, kế toán nguyên vật liệu sẽ nắm bắt được số chênh lệch cụ thể giữa giá trị hàng tồn kho của công ty hiện có so với giá thị trường.

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng kê dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau:

Bảng 3.2 Bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho

BẢNG TÍNH DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

STT	Tên vật tư	SL	Theo sổ kế toán		Theo thị trường		Chênh lệch
			Đơn giá	Thành tiền	Đơn giá	Thành tiền	
A	B	1	2	3= 1x2	4	5=1x4	6=5-3
1	Gạo tấm mài	160	12.080	1.932.800	11.800	1.888.000	44.800
2	Đường	356	16.965	6.039.540	16.800	5.980.800	58.740
	Cộng			7.972.340		7.868.800	103.540

Dựa vào bảng tính dự phòng giảm giá hàng tồn kho kế toán lập dự phòng hàng tồn kho, ghi sổ:

Nợ TK 632

103.540

Có TK 159

103.540

Ý kiến thứ năm: Về bảng tổng hợp nhập xuất tồn

Hiện nay, công ty chưa sử dụng bảng tổng hợp nhập xuất tồn, nên kế toán khó nắm bắt được về tình hình nhập xuất trong kỳ. Trên bảng tổng hợp nhập xuất tồn các loại nguyên vật liệu sẽ được theo dõi cả về mặt số lượng và giá trị của các loại nguyên vật liệu như vật liệu chính, vật liệu phụ và thành phẩm.

Công ty có thể sử dụng mẫu bảng tổng hợp nhập xuất tồn như sau:

Bảng 3.3 Bảng tổng hợp nhập xuất tồn

BẢNG TỔNG HỢP NHẬP XUẤT TỒN

Kho: Vật liệu chính

Tháng 9 năm 2013

STT	Loại vật liệu	ĐVT	Tồn đầu kỳ		Nhập		Xuất		Tồn cuối kỳ		Ghi chú
			Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	Lượng	Tiền	
1	Gạo tấm zemin	Kg	593	6.805.268	2.800	32.480.000	2415	29.104.795	878	10.180.410	
2	Gạo tấm mài	Kg	220	2.657.600	0	0	60	724.800	160	1.932.800	
3	Đường tinh luyện	Kg	186	3.159.768	280	4.732.000	110	1.852.228	356	6.039.540	
	Cộng			12.622.636		37.212.000		31.681.823		18.152.750	

Ngày 30 tháng 9 năm 2014

Người lập biểu
(ký rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(ký rõ họ tên)

Ý kiến thứ sáu: Về xây dựng định mức tiêu hao nguyên vật liệu

Ngoài ra, công ty nên xây dựng thêm định mức tiêu hao nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm cụ thể, quan tâm điều chỉnh sao cho có được định mức tiêu hao phù hợp nhất. Trên cơ sở đó mới có căn cứ để xuất kho nguyên vật liệu hợp lý cho từng phân xưởng. Dựa vào số liệu trên sổ sách kế toán để tính ra số nguyên liệu thực dùng cho một sản phẩm sau đó so sánh với định mức xem nguyên vật liệu có sử dụng hợp lý hay không hoặc có cần phải điều chỉnh định mức hay không. Nếu có thể công ty nên hạ định mức xuống tối thiểu để giảm giá thành sản phẩm. Việc lập định mức sử dụng vật liệu giúp cho việc hạch toán và phân tích tình hình sử dụng vật liệu cuối kỳ, thấy được sự ảnh hưởng của việc tiêu hao vật liệu đến giá của từng loại thành phẩm như thế nào với định mức đã lập ra, từ đó xác định được nguyên nhân nhằm tìm ra các biện pháp tốt nhất tiết kiệm nhất.

Để xác định được định mức vật liệu phù hợp với yêu cầu thì đòi hỏi phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các bộ phận. Kế hoạch thu mua vật tư phải dựa theo kế hoạch sản xuất theo định mức do phòng kế toán đề ra. Nếu bộ phận nào làm mất mát hay thiếu hụt thì bộ phận đó phải chịu trách nhiệm bồi thường, điều đó sẽ giúp làm giảm được những tiêu cực trong sản xuất.

Có thể lập định mức tiêu hao của Gạo tấm zecmin cho các sản phẩm như sau:

STT	Tên sản phẩm	Số lượng	Mức tiêu hao NVL	Dung sai
1	Bánh gạo ngọt	100 Chiếc	270g	
2	Bánh gạo mặn	100 Chiếc	220g	
3	Bánh gạo mặn vị bò nướng	100 Chiếc	180g	
			

KẾT LUẬN

Quản lý tốt chi phí sản xuất nói chung, chi phí nguyên vật liệu nói riêng có ý nghĩa rất qua trọng đối với mỗi doanh nghiệp. Điều đó đòi hỏi cá doanh nghiệp phải sử dụng hiệu quả các công cụ quản lý kinh tế, trong đó có công tác kế toán. Nhận thức và hiểu rõ được tầm quan trọng của nguyên vật liệu trong sản xuất kinh doanh, công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo đã và đang tiếp tục đề ra các giải pháp để kiện toàn công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán của công ty nói chung. Để làm được điều đó thì cần phải có sự cố gắng, nỗ lực từ chính bản thân công ty, bên cạnh đó phải có sự tư vấn, đóng góp ý kiến từ bên ngoài.

Trong quá trình thực tập và tìm hiểu tại công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo, em đã có điều kiện củng cố kiến thức đã được học tập tại trường và đi sâu vào tìm hiểu thực tế công tác kế toán nguyên vật liệu ở công ty biết được thực tế đa dạng và phức tạp hơn nhiều nhưng thứ đã học. Qua đó em thấy việc theo dõi phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời và nhanh chóng tình hình tăng – giảm cũng như việc thu mua - sử dụng - dự trữ, bảo quản có hiệu quả nguyên vật liệu là nhiệm vụ rất quan trọng của công tác hạch toán và quản lý. Bên cạnh đó, trên cơ sở những phân tích từ số liệu thực tế và những lý luận có được từ trường lớp, em đã nhận ra được những ưu điểm cần phát huy và tồn tại cần phải khắc phục trong công tác kế toán nguyên vật liệu của công ty. Vì vậy, qua bài khóa luận của mình, em đã mạnh dạn trình bày một số ý kiến với mong muốn công ty có thể tham khảo và hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán nguyên vật liệu của công ty. Tuy nhiên, do khả năng còn hạn chế và thời gian thực tập tại công ty có hạn nên bài khóa luận không tránh khỏi những sai sót. Vài vậy, em rất mong nhận được sự chỉ bảo của các thầy cô trong trường Đại học Thăng Long để hoàn thiện bài khóa luận của mình.

Qua đây em xin chân thành cảm ơn cô giáo Thạc sĩ Vũ Thị Kim Lan, là người hướng dẫn trong quá trình thực hiện bài khóa luận và em cũng xin cảm ơn các thầy cô giáo trong Khoa Kinh tế - Quản lý trường Đại học Thăng Long cùng các cô chú ở Phòng tài chính kế toán của công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo đã tạo điều kiện hướng dẫn và giúp đỡ em trong quá trình thực tập vừa qua.

Hà Nội, ngày 02 tháng 07 năm 2014

Sinh viên

Nguyễn Thị Hồng Nhung

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Giáo trình “Kế toán tài chính” của GS.TS.NGNH Ngô Thế Chi (2010) - Nhà xuất bản Tài chính.
2. Giáo trình “Hạch toán kế toán trong các doanh nghiệp” của PGS.TS Nguyễn Thị Đông (2009) – Nhà xuất bản Tài chính.
3. Một số bài khóa luận của các anh chị khóa trước.
4. Tài liệu của công ty TNHH chế biến thực phẩm Tiến Bảo.
5. Thông tư 228/2009/TT –BTC ngày 07/12/ 2009